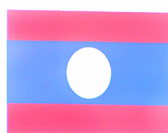




BẢN TIN CỦA HỘI ĐỒNG PHỐI HỢP PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT TỈNH

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
SỞ TƯ PHÁP



ខ្ញុំប្រើប្រាស់

ຄະນະຜູ້ແທນພະແນກບໍລິຫານໜີ້ສິດຈະມີ,
ສາທາລະນະລັດ ປະຊາທິປະໄຕ ປະຊາຊົນລາວ,
ມາຍົງມາ ແລະ ເອົາດວງກຳມັນ ພະແນກບໍລິຫານໜີ້ສິດ
ສາທາລະນະລັດ ສປປ ລາວ ຕ່ອງໂສ້
ແລະ ນີ້ເປັນຄັ້ງທີ ໑ ມາດຕະການ 2026 - 2030
ພະແນກບໍລິຫານໜີ້ສິດ ວັນທີ 8

CHÀO MỪNG

ĐOÀN CÁN BỘ SỞ TƯ PHÁP TỈNH ÁT-TA-PƯ,
NƯỚC CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO
ĐẾN THĂM, LÀM VIỆC VỚI SỞ TƯ PHÁP TỈNH QUẢNG NGÃI,
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VÀ KÝ KẾT BIÊN BẢN HỢP TÁC

SỐ 03

Tháng 9/2026





Ảnh bìa 1: Giám đốc Sở Tư pháp tỉnh Át-ta-pư (Lào) và Giám đốc Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi trao bản kỷ kết

Chịu trách nhiệm xuất bản
ThS. TRÀ THANH DANH
(TUV, Giám đốc Sở Tư pháp)

Biên tập
VƯƠNG VĂN TUYÊN
PHẠM THỊ THANH NGỌC

Thư ký biên tập và trình bày
**PHÒNG PHỔ BIẾN,
GIÁO DỤC PHÁP LUẬT**

★ Ban biên tập: 108 Phan Đình Phùng,
phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi
★ Điện thoại: 0255.3822774
★ Email: giaoducpl-stp@quangngai.gov.vn
★ Website: <http://stp.quangngai.gov.vn>
★ Giấy phép xuất bản số: 603/GP-XBBT
ngày 25/12/2025 do Sở Văn hóa, Thể
thao và Du lịch tỉnh Quảng Ngãi cấp.



Bản tin TƯ PHÁP QUẢNG NGÃI

BẢN TIN CỦA HỘI ĐỒNG PHỐI HỢP PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT TỈNH

TRONG SỐ NÀY

Trang

- Ngày Văn hóa Việt Nam 24/11 tôn vinh các giá trị văn hóa dân tộc..... **Ban Biên tập** 1
- Giới thiệu nội dung cơ bản của Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2026..... **Phòng PBGDPL** 3
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi đón tiếp và làm việc với Sở Tư pháp tỉnh Át-ta-pư, nước CHDCND Lào..... **Hải Yến** 7
- Kiểm tra công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở và chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn tỉnh năm 2026..... **Kim Hoan** 10
- Hưởng ứng Cuộc thi trực tuyến “Tìm hiểu pháp luật về phòng, chống ma túy” trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi..... **Nhận Bùi** 14
- “Trợ lý AI” - một cách làm chia sẻ áp lực với cơ sở của Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi..... **Ngọc Diễm - Hồng Hiền** 17
- Một số khó khăn, vướng mắc liên quan đến thể chế khi thi hành pháp luật về đất đai..... **Ths - Luật gia Phạm Văn Chung** 21
- Chuyển giao thẩm quyền chứng thực từ UBND cấp xã sang tổ chức hành nghề công chứng - Những khó khăn, vướng mắc và kiến nghị hoàn thiện..... **Trung Hiếu** 23
- Sở Tư pháp tổ chức các hội nghị tập huấn nghiệp vụ lĩnh vực công tác tư pháp trong Quý III năm 2026..... 26
- Mở rộng đối tượng được trợ giúp pháp lý theo Luật sửa đổi Luật Trợ giúp pháp lý năm 2026 - Bước tiến trong bảo đảm quyền tiếp cận công lý..... **Trang Nguyễn** 31
- Những nội dung cơ bản của Thông tư số 10/2026/TT-BTP của Bộ Tư pháp hướng dẫn việc hỗ trợ, tài trợ và quản lý, sử dụng kinh phí hỗ trợ, tài trợ của Quỹ hỗ trợ xây dựng chính sách, pháp luật..... **Phạm Văn Chung** 33
- Một số nội dung sửa đổi, bổ sung của Luật Tiếp công dân, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo..... **Thanh Ngọc** 36
- Nhân Kỷ niệm 300 năm (1726 - 2026) ngày sinh Danh nhân văn hóa Lê Quý Đôn..... **Ban Tuyên giáo Trung ương** 41

NGÀY VĂN HÓA VIỆT NAM 24/11

tôn vinh các giá trị văn hóa dân tộc



Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị khẳng định phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân là chủ thể sáng tạo và thụ hưởng; đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ, cán bộ văn hóa, nghệ nhân, doanh nhân giữ vai trò quan trọng. Từ đó, làm rõ vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội các cấp, đội ngũ cán bộ, đảng viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân trong việc xây dựng và phát huy giá trị văn hóa, con người Việt Nam.

Triển khai Nghị quyết số 80-NQ/ TW của Bộ Chính trị, ngày 24/4/2026 Quốc hội khóa XVI đã thông qua Nghị quyết số 28/2026/QH16 về phát triển văn hóa Việt Nam có hiệu lực từ ngày 01/7/2026, trong đó đã xác định rõ: “Ngày 24 tháng 11 hằng năm là Ngày Văn hóa Việt Nam; người lao động được nghỉ làm việc và hưởng nguyên lương. Miễn hoặc giảm phí, lệ phí dịch vụ tham quan tại các cơ sở văn hóa, thể thao công lập vào Ngày Văn hóa Việt Nam theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Khuyến khích Nhân dân, đặc biệt là thanh niên, trẻ em tham gia các hoạt động văn hóa

vào các ngày lễ lớn của dân tộc và đất nước”.

Từ thành tựu qua 40 năm đổi mới và những kết quả nổi bật trong hoàn thiện thể chế, xây dựng con người, môi trường văn hóa, bảo tồn di sản, phát triển văn học, nghệ thuật, công nghiệp văn hóa, chuyển đổi số và hội nhập quốc tế, Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển văn hóa Việt Nam đã chỉ đạo “ba chuyển dịch lớn”: (1) từ tư duy coi văn hóa là một lĩnh vực phát triển sang xác lập văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, trụ cột của phát triển, động lực tăng trưởng mới, hiện diện trong mọi quyết sách phát triển; (2) từ không gian văn hóa truyền thống sang phát triển văn hóa đồng thời trong không gian thực và không gian số; (3) từ tư duy bảo tồn là chủ yếu sang kết hợp chặt chẽ giữa bảo tồn và sáng tạo, chuyển hóa vốn văn hóa thành tri thức, tài sản trí tuệ, sản phẩm, thị trường và sức mạnh mềm quốc gia.

“Ngày Văn hóa Việt Nam” 24/11 có ý nghĩa

chính trị, tư tưởng, lịch sử và thời đại; đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; tôn vinh các giá trị văn hóa dân tộc và những đóng góp của Nhân dân trong sáng tạo, bảo tồn, trao truyền, phát huy văn hóa; Nhân dân là trung tâm, là chủ thể sáng tạo và thụ hưởng văn hóa. Đây là sự kế thừa, phát triển tư duy lý luận và đường lối của Đảng về văn hóa tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ nhất (ngày 24/11/1946) và tư tưởng “Văn hóa phải soi đường cho quốc dân đi” của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Vì vậy, các cấp, các ngành và mỗi người dân có trách nhiệm xây dựng môi trường văn hóa nhân văn, lành mạnh, văn minh, hiện đại trong gia đình, nhà trường, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, cộng đồng và trên không gian mạng; đề cao đạo đức, lối sống, ý thức thượng tôn pháp luật, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Lan tỏa sâu rộng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam; đưa các hệ giá trị đến gần hơn với Nhân dân, đặc biệt là thế hệ trẻ; cổ vũ các giá trị yêu nước,

đoàn kết, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, trách nhiệm, kỷ cương, sáng tạo. Tuyên truyền nâng cao nhận thức về xây dựng chủ quyền văn hóa trên không gian số; phát triển năng lực tự chủ về dữ liệu, nền tảng và nội dung văn hóa Việt Nam; nâng cao năng lực tiếp nhận có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại và sức đề kháng trước các sản phẩm, xu hướng văn hóa lệch chuẩn.

Bên cạnh việc tuyên truyền, quảng bá giá trị di sản văn hóa, danh lam thắng cảnh, lễ hội truyền thống cần nâng cao trách nhiệm cộng đồng trong bảo vệ, gìn giữ, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; phê phán việc thương mại hóa làm sai lệch, biến dạng giá trị di sản và lễ hội. Thực hiện yêu cầu số hóa di sản thực chất, bảo đảm định danh, nguồn gốc, chuẩn kỹ thuật, khả năng tìm kiếm, kết nối, chia sẻ, tái sử dụng; phục vụ quản lý, giáo dục, nghiên cứu, sáng tạo, du lịch, công nghiệp văn hóa và phát triển trí tuệ nhân tạo, từng bước hình thành tri thức số, tài sản trí tuệ quốc gia.

Một điều quan trọng là mọi cán bộ, công chức, viên chức, đảng viên,

đoàn viên, hội viên, lực lượng vũ trang và Nhân dân nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, giữ gìn bản sắc, giá trị văn hóa và con người Việt Nam; nhận diện âm mưu, thủ đoạn lợi dụng các vấn đề văn hóa, văn nghệ, lịch sử, dân tộc, tôn giáo và không gian mạng để xuyên tạc, kích động, chống phá Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa. Đấu tranh phản bác các luận điệu xuyên tạc lịch sử, văn hóa, chủ quyền quốc gia; phủ nhận đường lối, thành tựu phát triển văn hóa, con người Việt Nam; hạ thấp, phủ nhận các giá trị văn hóa truyền thống; xuyên tạc, kích động, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Phê phán các biểu hiện lai căng, lệch chuẩn, phản cảm; nâng cao khả năng nhận diện, sức đề kháng trước thông tin giả, sai sự thật, xấu độc và các sản phẩm văn hóa độc hại, nhất là những nội dung được tạo lập, chỉnh sửa, phát tán bằng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, tác động tiêu cực đến thế hệ trẻ, xây dựng Nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc.□

Ban Biên tập

GIỚI THIỆU NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT NĂM 2026

Qua tổng kết 13 năm thi hành Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012, công tác phổ biến, giáo dục pháp luật đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, góp phần nâng cao hiểu biết, ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, công chức, người dân, lan tỏa tinh thần thượng tôn Hiến pháp và pháp luật trong xã hội, qua đó đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Thời gian vừa qua, Đảng ta đã ban hành nhiều văn bản quan trọng, trong đó đề ra chủ trương đổi mới công tác phổ biến, giáo dục pháp luật như: Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới, Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, Kết luận số 80-KL/TW ngày 20/6/2020 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW... Thực hiện Nghị quyết số 105/2025/UBTVQH15 ngày 26/9/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Chương trình lập pháp năm 2026, Bộ Tư pháp đã đánh giá tình hình thực hiện Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012 và đề xuất sửa đổi toàn diện Luật để thể chế hóa chủ trương đổi mới của Đảng về phổ biến, giáo dục pháp luật, đáp ứng yêu cầu của công tác này trong tình hình mới.



Ngày 23/8/2026, tại kỳ họp không thường lệ lần thứ Nhất Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XVI đã thông qua Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật (*Luật số 12/2026/QH16*). Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01/3/2027 và thay thế Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012.

1. Mục đích ban hành

Việc xây dựng Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2026 nhằm khắc phục những khó khăn, vướng mắc của Luật hiện hành; đổi mới hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật theo hướng lấy người

dân, doanh nghiệp làm trung tâm; bảo đảm quyền tiếp cận pháp luật, quyền tham gia góp ý, phản ánh, kiến nghị về chính sách, pháp luật; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo để tạo điều kiện cho người dân, doanh nghiệp tiếp cận pháp luật trên môi trường số; góp phần xây dựng văn hóa thượng tôn pháp luật và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Quan điểm xây dựng Luật

a) Thể chế hóa đầy đủ, kịp thời các chủ trương, định hướng đổi mới của Đảng về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật. Kế thừa những quy định còn giá trị trong Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012; sửa đổi những quy định không còn phù hợp; bám sát, tuân thủ đầy đủ các quan điểm chỉ đạo về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, chính quyền địa phương 02 cấp, đổi mới tư duy trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật.

b) Bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất của hệ thống pháp luật; tuân thủ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành, các quy định có liên quan về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật. Tiếp tục xác định công tác phổ biến, giáo dục pháp luật là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước giữ vai trò chủ đạo; lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, chú trọng các đối tượng đặc thù; tăng cường chuyển đổi số, thu hút nguồn lực xã hội tham gia phổ biến, giáo dục pháp luật.

c) Bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với các luật có liên quan; tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan mà nước

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; tính khả thi của các chính sách Luật trong điều kiện kinh tế - xã hội Việt Nam; tham khảo có chọn lọc các kinh nghiệm phù hợp của các quốc gia trên thế giới.

3. Nội dung mới cơ bản của Luật

Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật bao gồm 05 chương, 39 điều với các nội dung mới cơ bản sau đây:

3.1. Phân định rõ trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong phổ biến, giáo dục pháp luật

Luật đã bổ sung, quy định rõ trách nhiệm của cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật, cơ quan đề xuất điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế trong xây dựng các tài liệu phục vụ công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; phân định với trách nhiệm tổ chức phổ biến, giáo dục pháp luật của các cơ quan quản lý nhà nước; bổ sung mới trách nhiệm của một số chủ thể như các cơ quan của Quốc hội, người sử dụng lao động, cơ quan báo chí...

3.2. Điều chỉnh, bổ sung mới một số đối tượng đặc thù và ưu tiên có chính sách phổ biến, giáo dục pháp luật cho đối tượng này

Luật quy định 08 nhóm đặc thù, trong đó bổ sung mới người thuộc hộ nghèo, người thuộc hộ cận nghèo, người cao tuổi, người chấp hành xong án phạt tù đang tái hòa nhập cộng đồng, nạn nhân của hành vi mua bán người; mở rộng nhóm “người dân tộc thiểu số”, “nạn nhân bạo lực”. Đồng thời, Luật quy định một số chính sách về phổ biến, giáo dục pháp luật cho đối tượng đặc thù. Ngoài ra, Luật cũng quy định trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong phổ biến, giáo dục pháp luật cho đối tượng đặc thù, trong đó có các cơ quan quản lý nhà

nước có liên quan đến đối tượng đặc thù; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, người sử dụng lao động, cơ quan thi hành án, Ủy ban nhân dân, cơ quan, tổ chức có liên quan.

3.3. Ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, mạng xã hội và các nền tảng số để người dân, doanh nghiệp tiếp cận pháp luật thuận lợi, hiệu quả

Luật đã bổ sung chính sách ưu tiên, khuyến khích thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua nền tảng số, mạng xã hội, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI); quy định trách nhiệm bảo đảm an toàn, phòng ngừa, hạn chế rủi ro khi phổ biến, giáo dục pháp luật trên nền tảng số, mạng xã hội, AI; cơ chế kiểm soát khi ứng dụng AI. Trong đó phải có sự kiểm soát thông tin dựa trên dữ liệu chính thức của cơ quan nhà nước; thực hiện kiểm chứng trước khi cung cấp, gắn nhãn cảnh báo, đính chính và chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu đầu vào; bổ sung hành vi nghiêm cấm để tạo lập, phát tán thông tin, tài liệu giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung pháp luật, chính sách.

Bên cạnh đó, Luật đã xác lập vị trí của Công Pháp luật quốc gia là nền tảng số quốc gia về pháp luật dùng chung cho các ngành, lĩnh vực, tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân, người dân, doanh nghiệp tiếp cận pháp luật, phổ biến, giáo dục pháp luật.

3.4. Bổ sung quy định về truyền thông chính sách

Luật quy định các nguyên tắc, mục đích, nội dung, hình thức thực hiện truyền thông chính sách để nâng cao chất lượng xây dựng pháp luật, tạo đồng thuận xã hội trong thi hành pháp luật; quy định trách nhiệm của cơ quan chủ trì lập đề xuất chính sách, cơ quan

chủ trì soạn thảo văn bản trong truyền thông chính sách; vai trò, trách nhiệm của cơ quan báo chí; việc tiếp nhận, tổng hợp, giải trình đầy đủ, công khai và kịp thời các ý kiến góp ý, phản hồi.

3.5. Quy định Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật được thành lập và hoạt động thống nhất ở trung ương, cấp tỉnh, cấp xã

Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật là tổ chức có chức năng tư vấn cho Chính phủ, Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan, tổ chức ở trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, truyền thông chính sách, xây dựng văn hóa thượng tôn pháp luật và các giải pháp huy động nguồn lực cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật. Các thành viên Hội đồng hoạt động kiêm nhiệm. Luật quy định Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật có thể được thành lập ở Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan, tổ chức ở trung ương do người đứng đầu cơ quan, tổ chức đó quyết định.

Trong bối cảnh chính quyền cấp xã có quy mô quản lý về địa giới, dân cư được mở rộng, được phân cấp, phân quyền nhiều nhiệm vụ, việc thành lập Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật cấp xã nhằm góp phần nâng cao hiệu quả phổ biến, giáo dục pháp luật và đưa công tác này hướng mạnh về cơ sở, bảo đảm thiết thực, phục vụ kịp thời nhu cầu tiếp cận pháp luật của người dân.

3.6. Hoàn thiện chính sách, quy định về kinh phí cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật

Luật quy định có chính sách ưu tiên nguồn lực tương xứng cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; tạo điều kiện thuận lợi cho người Việt Nam định cư ở

nước ngoài học tập, tìm hiểu pháp luật Việt Nam; lồng ghép nguồn lực trong các chương trình, đề án có liên quan; tăng cường bồi dưỡng kiến thức pháp luật, ý thức chấp hành pháp luật nhằm nâng cao kỷ luật, kỷ cương, tính gương mẫu của cán bộ, công chức, viên chức và sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, cá nhân khác trong lực lượng vũ trang nhân dân trong hoạt động công vụ, hoạt động nghề nghiệp và xây dựng văn hóa thượng tôn pháp luật.

Bên cạnh đó, để huy động nguồn lực xã hội, tăng cường phân quyền cho chính quyền địa phương, Luật quy định Hội đồng nhân dân cấp tỉnh được quyền quyết định chính sách khác để khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia, hỗ trợ công tác phổ biến, giáo dục pháp luật tại địa phương để tạo cơ sở pháp lý cho cấp tỉnh chủ động, linh hoạt quyết định cơ chế, chính sách phù hợp, thu hút nguồn lực xã hội cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

3.7. Tăng cường thu hút, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tham gia công tác phổ biến, giáo dục pháp luật

Luật bổ sung quy định về báo cáo viên pháp luật cấp xã nhằm huy động tối đa đội ngũ nhân lực có kinh nghiệm, kiến thức và kỹ năng tham gia phổ biến, giáo dục pháp luật tại địa bàn cơ sở; đổi mới việc quản lý báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật theo hướng đơn giản hóa thủ tục, giảm chi phí tuân

thủ; phân cấp, phân quyền cho người đứng đầu Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trung ương trong việc lựa chọn, công bố danh sách báo cáo viên pháp luật của cơ quan mình.

3.8. Ngoài ra, Luật có một số điểm mới liên quan đến nguyên tắc, các hành vi bị nghiêm cấm, công tác giáo dục pháp luật trong cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân, đánh giá hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật...

* Để triển khai thi hành Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2026 kịp thời, hiệu quả, Bộ Tư pháp tập trung thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ sau: (i). Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật. (ii) Tổ chức quán triệt, phổ biến, tập huấn các nội dung cơ bản của Luật. (iii) Xây dựng, trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2026, ban hành theo thẩm quyền 01 Thông tư; phối hợp ban hành các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật. (iv) Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan để đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới. (v) Xây dựng tài liệu giới thiệu Luật và các tài liệu hướng dẫn chuyên sâu; chỉ đạo, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, sơ kết việc triển khai thi hành Luật.□

Phòng PBGDPL



Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi đón tiếp và làm việc với Sở Tư pháp tỉnh Ất-ta-pư, nước CHDCND Lào

Trong khuôn khổ tăng cường quan hệ hữu nghị hợp tác giữa tỉnh Quảng Ngãi, nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với tỉnh Ất-ta-pư, nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và thực hiện Kết luận Hội nghị Tư pháp các tỉnh có chung đường biên giới Việt Nam - Lào mở rộng lần thứ 7, trên cơ sở chủ trương thống nhất của UBND tỉnh Quảng Ngãi; ngày 13/8/2026, Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi đã tổ chức đón tiếp và làm việc với đoàn công tác Sở Tư pháp tỉnh Ất-ta-pư, do ông Bounthamaly Mananông, Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Tư pháp tỉnh Ất-ta-pư làm Trưởng đoàn; với mục đích trao đổi về định hướng hợp tác trong lĩnh vực tư pháp giai đoạn 2026 - 2030.



Quang cảnh buổi làm việc

Chủ trì buổi tiếp đón, làm việc về phía Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi có ông Trà Thanh Danh, Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Tư pháp, tham dự buổi làm việc có các đồng chí Phó Giám đốc Sở và đại diện lãnh đạo các phòng, đơn

vị thuộc Sở. Ngoài ra, có đại diện Thi hành án tỉnh và đại diện Sở Ngoại vụ tỉnh Quảng Ngãi.

Tại buổi làm việc, lãnh đạo Sở Tư pháp Quảng Ngãi đã chia sẻ về kết quả triển khai nhiệm vụ trong 6 tháng đầu năm 2026 trên các lĩnh vực công

tác tư pháp (xây dựng và thẩm định văn bản quy phạm pháp luật, phổ biến giáo dục pháp luật, công tác trợ giúp pháp lý, nhất là các quy định liên quan đến hộ tịch, quốc tịch và nuôi con nuôi) và kinh nghiệm trong tổ chức thực hiện các nhiệm vụ



Ông Trà Thanh Danh, Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi

chuyên môn, chuyển đổi số trong công tác phổ biến giáo dục pháp luật, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) hỗ trợ nghiệp vụ cho công chức làm công tác tư pháp trong lĩnh vực hộ tịch và nuôi con nuôi.

Lãnh đạo Sở Tư pháp tỉnh Át-ta-pư bày tỏ vui mừng khi được đến thăm và làm việc tại Quảng Ngãi; đồng thời, đánh giá cao sự phối hợp, chia sẻ kinh nghiệm giữa hai Sở trong thời gian qua. Phía tỉnh Át-ta-pư mong muốn thời gian tới hai bên tiếp tục tăng cường trao đổi đoàn, chia sẻ kinh nghiệm trong xây dựng, tổ chức thi hành pháp luật, trợ giúp pháp lý và chuyển đổi số, qua đó góp phần thắt chặt hơn nữa quan hệ hợp tác giữa hai địa phương.

Trên cơ sở mối quan hệ hợp tác, hữu nghị đã được vun đắp trong thời gian qua giữa Sở Tư pháp tỉnh Kon Tum (cũ) và Sở Tư pháp tỉnh Át-ta-pư, Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi tiếp tục kế thừa sau khi sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh (Kon Tum và Quảng Ngãi), hai bên thống nhất tiếp tục duy trì việc trao đổi thông tin, chia sẻ kinh nghiệm và tăng cường phối hợp trong các lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ của ngành Tư pháp; quan tâm thúc đẩy các hoạt động giao lưu, trao đổi đoàn và hợp tác chuyên môn phù hợp với điều kiện thực tế của hai địa phương.

Một nội dung quan trọng tại buổi làm việc là việc ký kết Biên bản hợp

tác giữa Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi và Sở Tư pháp tỉnh Át-ta-pư giai đoạn 2026 - 2030.

Nội dung trọng tâm của Biên bản hợp tác là chia sẻ kinh nghiệm trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, học hỏi những cách làm hay của mỗi bên ở các lĩnh vực, cụ thể: (1) Trao đổi học tập kinh nghiệm về việc tổ chức thực hiện giải quyết các vấn đề pháp lý và tư pháp phát sinh (hộ tịch, quốc tịch, nuôi con nuôi, phổ biến, giáo dục pháp luật; trợ giúp pháp lý) đối với công dân tỉnh Quảng Ngãi tại tỉnh Át-ta-pư và ngược lại nhằm đảm bảo cuộc sống bình yên của người dân hai bên; nâng cao ý thức thượng tôn, chấp hành pháp luật của



Ông Bounthamaly Mananông, Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Tư pháp tỉnh Át-ta-pư



Ký kết Biên bản hợp tác giữa Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi và Sở Tư pháp tỉnh Át-ta-pư giai đoạn 2026 - 2030

nhân dân các xã ở khu vực biên giới của hai bên; (2) Trao đổi kinh nghiệm về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo (AI) trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật; (3) Giúp đỡ, hỗ trợ lẫn nhau để tạo thuận lợi cho

việc thực hiện công việc của mỗi bên theo khả năng, điều kiện thích hợp và thực tế; (4) Hai bên cùng nhau đề xuất chính quyền mỗi bên nâng cao trình độ kiến thức, chuyên môn và ngoại ngữ cho cán bộ công chức ngành tư pháp của hai bên.

Việc ký kết Biên bản hợp tác giai đoạn 2026 - 2030 sẽ tạo thêm cơ sở để ngành Tư pháp hai địa phương đẩy mạnh trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ nhau trong công tác chuyên môn, góp phần nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ tư pháp tại mỗi địa phương. Đây cũng là hoạt động có ý nghĩa thiết thực trong việc tiếp tục vun đắp mối quan hệ hữu nghị, đoàn kết và hợp tác giữa tỉnh Quảng Ngãi và tỉnh Át-ta-pư, qua đó góp phần củng cố và phát triển tình đoàn kết đặc biệt, hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào, đồng thời mở ra những nội dung hợp tác mới phù hợp với yêu cầu công tác tư pháp trong tình hình mới. □

Hải Yến

Kiểm tra công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hoà giải ở cơ sở và chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn tỉnh năm 2026

Việc kiểm tra công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL), hòa giải ở cơ sở và chuẩn tiếp cận pháp luật là yêu cầu quan trọng nhằm bảo đảm pháp luật được tổ chức thực hiện thống nhất, thực chất, hiệu quả. Trong năm 2026, trước những yêu cầu mới của công tác quản lý nhà nước và việc vận hành mô hình chính quyền địa phương hai cấp; hoạt động kiểm tra cần được đổi mới theo hướng thực chất, lấy hiệu quả phục vụ người dân, doanh nghiệp làm thước đo; việc kiểm tra để hướng tới mục tiêu nâng cao nhận thức pháp luật, khả năng tiếp cận và sử dụng pháp luật của người dân.

Thực tiễn cho thấy, nếu công tác PBGDPL giúp người dân “biết pháp luật”, thì hòa giải ở cơ sở góp phần đưa pháp luật vào cuộc sống thông qua giải quyết những mâu thuẫn, tranh chấp phát sinh trong cộng đồng dân cư ở cơ sở; cùng với đó, việc đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật là một trong những công cụ đo lường mức độ bảo đảm khả năng tiếp cận pháp luật của người dân tại địa bàn cơ sở. Theo đó, việc kiểm tra không nên hiểu đơn thuần là hoạt động “đối chiếu hồ sơ, văn bản”, mà cần được xác định là một phương thức quản lý, hướng dẫn và hỗ trợ nâng cao chất lượng thực hiện nhiệm vụ. Thông qua kiểm tra, cơ quan quản



Kiểm tra công tác phổ biến, giáo dục pháp luật tại Sở Nội vụ



Kiểm tra công tác phổ biến, giáo dục pháp luật tại Sở Dân tộc và Tôn giáo

lý có thể đánh giá đầy đủ hơn những kết quả đạt được, nhận diện những hạn chế, nguyên nhân và những vấn đề phát sinh trong thực tiễn để kịp thời hướng dẫn, tháo gỡ. Đồng thời, kết quả kiểm tra cũng là cơ sở quan trọng để điều chỉnh phương pháp chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ và nhân rộng những cách làm hiệu quả.

Năm 2026, thực hiện nhiệm vụ công tác PBGDPL, hòa giải ở cơ sở, chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và Quyết định số 898/QĐ-UBND ngày 24/3/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt Kế hoạch kiểm tra chuyên ngành năm 2026 của Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi; Giám đốc Sở Tư pháp đã ban hành Quyết định kiểm tra công tác phổ biến, giáo dục pháp luật tại Sở Nội vụ và Sở Dân tộc và Tôn giáo và kiểm tra công tác PBGDPL, hòa giải ở cơ sở và cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật tại UBND phường Cẩm Thành và Trương Quang Trọng, số liệu kiểm tra từ ngày 01/7/2025 đến ngày 30/6/2026.

Tại các đợt được kiểm tra, Đoàn đã tập trung đánh giá công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về PBGDPL tại 02 Sở và việc thực hiện công tác PBGDPL, hòa giải ở cơ sở và chuẩn tiếp cận pháp luật tại 02 phường, trong đó tập trung kiểm tra việc xây dựng, ban hành kế hoạch thực hiện công tác PBGDPL, hòa giải ở cơ sở và chuẩn tiếp cận pháp luật, hoạt động của Thành viên Hội đồng Phối hợp PBGDPL tỉnh tại 02 cơ quan, Hội đồng Phối hợp PBGDPL tại 02 phường và đội ngũ tuyên truyền viên pháp luật; đánh giá việc củng cố, kiện toàn tổ hòa giải, số lượng, chất lượng hòa giải viên, việc tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật và kỹ năng hòa giải, chế độ hỗ trợ, kinh phí hoạt động, việc thực hiện thống kê, theo dõi kết quả hòa giải và công tác phối hợp giữa chính quyền và Mặt trận Tổ quốc cùng cấp và các tổ chức có liên quan; việc đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật là một nội dung quan trọng và nâng cao khả năng tiếp cận pháp luật của người

dân tại cơ sở, Đoàn kiểm tra đã hướng dẫn bám sát các tiêu chí, chỉ tiêu theo quy định bảo đảm thực chất hướng đến mục tiêu không phải là “đạt chuẩn” về mặt hồ sơ, văn bản mà phải là bảo đảm người dân thực sự có khả năng tiếp cận pháp luật.

Qua kiểm tra cho thấy, cơ quan và địa phương đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác này, xác định đây là một trong những nhiệm vụ quan trọng góp phần nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, công chức và Nhân dân; công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật được triển khai với nhiều hình thức phù hợp như tổ chức hội nghị, tập huấn, tuyên truyền, sinh hoạt, lồng ghép trong các cuộc họp và tuyên truyền thông qua các trang mạng xã hội, trang thông tin điện tử, hệ thống truyền thanh cơ sở, tài liệu pháp

luật... Đối với công tác hòa giải ở cơ sở, các địa phương đã chú trọng củng cố, kiện toàn lực lượng hòa giải viên, tổ hòa giải đảm bảo kịp thời; hoạt động hòa giải được thực hiện trên tinh thần gần dân, sát dân, kịp thời nắm bắt và giải quyết những mâu thuẫn, tranh chấp phát sinh ngay từ cơ sở, góp phần hạn chế tình trạng đơn thư, khiếu kiện kéo dài và giữ gìn tình đoàn kết trong cộng đồng dân cư tại địa phương.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, Đoàn kiểm tra cũng chỉ ra một số tồn tại, hạn chế cần khắc phục như việc ban hành kế hoạch triển khai thực hiện một số Đề án về PBGDPL chưa kịp thời, nội dung và hình thức tuyên truyền pháp luật ở một số thời điểm chưa đảm bảo, chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu tìm hiểu pháp luật của người dân; việc đánh giá, rà soát các tiêu chí, chỉ tiêu về chuẩn



Kiểm tra tại UBND phường Cẩm Thành về công tác PBGDPL, hòa giải ở cơ sở và chuẩn tiếp cận pháp luật



Kiểm tra tại UBND phường Trương Quang Trọng về công tác PBGDPL, hòa giải ở cơ sở và chuẩn tiếp cận pháp luật

tiếp cận pháp luật cần được thực hiện thường xuyên, chủ động hơn.

Đoàn kiểm tra đã ban hành Kết luận kiểm tra tại các cơ quan, địa phương được kiểm tra, đề nghị tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được, đồng thời khẩn trương khắc phục những tồn tại, hạn chế được chỉ ra qua kiểm tra. Trong đó, cần tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác PBGDPL, hòa giải ở cơ sở và chuẩn tiếp cận pháp luật; nâng cao trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật và hòa giải viên ở cơ sở; thường xuyên rà soát, bố trí, kiện toàn đảm bảo nguồn nhân lực thực hiện nhiệm vụ này theo quy định. Đồng thời, cần đổi mới nội dung, phương thức PBGDPL theo hướng thiết thực, dễ hiểu, dễ nhớ, phù hợp với từng nhóm đối tượng và tình hình thực tế; chú trọng tuyên truyền những quy định pháp luật liên quan trực tiếp đến đời sống của Nhân dân;

công tác hòa giải ở cơ sở cần tiếp tục được quan tâm, phát huy kịp thời giải quyết các mâu thuẫn ngay từ khi mới phát sinh. Đến nay hầu hết các cơ quan, địa phương được kiểm tra đã ban hành kế hoạch khắc phục những hạn chế, tồn tại đã được chỉ ra theo Thông báo Kết luận của Đoàn kiểm tra.

Thông qua các đợt kiểm tra là dịp để trao đổi kinh nghiệm, nhận diện những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện, từ đó đề ra giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác này trong thời gian tới. Việc thực hiện tốt công tác PBGDPL, hòa giải ở cơ sở và chuẩn tiếp cận pháp luật có ý nghĩa quan trọng trong việc đưa pháp luật đi vào cuộc sống, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của Nhân dân, góp phần bảo đảm quyền tiếp cận pháp luật của người dân và xây dựng chính quyền cơ sở hoạt động hiệu lực, hiệu quả. □

Kim Hoan



CUỘC THI TRỰC TUYẾN
TÌM HIỂU PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG MA TÚY
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI



Hưởng ứng Cuộc thi trực tuyến **“TÌM HIỂU PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG MA TÚY”** *trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi*

Ma túy đang đặt ra những thách thức ngày càng phức tạp đối với đời sống xã hội, an ninh, trật tự và sự phát triển bền vững của mỗi địa phương. Trong cuộc chiến phòng, chống ma túy, pháp luật là một trong những “lá chắn” quan trọng để phòng ngừa, đấu tranh và bảo vệ cộng đồng. Mỗi người dân hiểu đúng pháp luật, nâng cao ý thức trách nhiệm và chủ động phòng ngừa chính là góp phần xây dựng một Quảng Ngãi an toàn, lành mạnh, hướng tới mục tiêu phấn đấu đến năm 2030 đạt “Tỉnh

không ma túy” theo Chỉ thị số 06-CT/TU ngày 14/01/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch số 34/KH-UBND ngày 30/01/2026 của UBND tỉnh; theo đó, phòng, chống ma túy là nhiệm vụ quan trọng, cấp bách, lâu dài, đòi hỏi sự vào cuộc đồng bộ của cả hệ thống chính trị và sự tham gia tích cực của toàn xã hội. Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch của UBND tỉnh xác định rõ mục tiêu huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, giảm nguồn cung, giảm nguồn cầu, giảm tác hại của ma túy,

phấn đấu đến năm 2030 xây dựng Quảng Ngãi trở thành “Tỉnh không ma túy” và để đạt được mục tiêu đó, công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật có vai trò đặc biệt quan trọng; bởi lẽ, muốn phòng ngừa hiệu quả, trước hết mỗi người phải biết pháp luật, hiểu pháp luật và chủ động tuân thủ pháp luật.

Trong bối cảnh các hành vi liên quan đến ma túy ngày càng diễn biến phức tạp, việc trang bị kiến thức pháp luật không chỉ dành cho lực lượng chuyên trách về phòng, chống ma túy. Đó là yêu cầu đối với mỗi cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, học sinh, sinh viên, đoàn viên, hội viên và mọi người dân. Một người hiểu pháp luật có thể tự bảo vệ mình trước những hành vi vi phạm; một gia đình hiểu pháp luật có thêm khả năng bảo vệ con em mình; một cộng đồng có ý thức pháp luật cao sẽ tạo nên “hàng rào” vững chắc trước hiểm họa ma túy.

Cùng tìm hiểu pháp luật - cùng hành động vì cộng đồng không ma túy, với thông điệp này và nhằm nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật, trách nhiệm của toàn xã hội trong công tác phòng, chống ma túy; Sở Tư pháp - Cơ quan Thường trực Hội đồng Phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh Quảng Ngãi, phối hợp với các cơ quan thành viên của Hội đồng tham mưu Hội đồng tổ chức Cuộc thi trực tuyến “Tìm hiểu pháp luật về phòng, chống ma túy” năm 2026 trên địa bàn tỉnh. Có thể nói, đây không đơn thuần là một Cuộc thi kiến thức pháp luật. Quan trọng hơn, Cuộc thi là một hoạt động tuyên truyền có sức lan tỏa, tạo cơ hội để mỗi người dân chủ động tiếp cận, tìm hiểu và cập nhật những quy định pháp luật mới về phòng, chống ma túy.

Theo Kế hoạch của Ban Tổ chức, Cuộc thi được tổ chức bằng hình thức trắc nghiệm trực tuyến, mỗi lượt thi gồm 30 câu hỏi, thời gian làm bài 20 phút. Nội

dung tập trung vào các quy định của pháp luật về phòng, chống ma túy; xử lý vi phạm hành chính; xử lý hình sự và các quy định liên quan đến quản lý, cai nghiện ma túy và những nội dung pháp luật có liên quan. Qua đó, người tham gia có điều kiện cập nhật những quy định mới, nâng cao khả năng nhận diện hành vi vi phạm và ý thức tuân thủ pháp luật. Người tham gia dự thi là công dân Việt Nam từ đủ 12 tuổi trở lên đang sinh sống, làm việc, học tập trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đều có thể tham gia, trừ các trường hợp không được tham gia theo Kế hoạch của Ban Tổ chức. Việc mở rộng đối tượng tham gia thể hiện tinh thần phòng ngừa ma túy từ sớm, từ xa, từ cơ sở; đồng thời, tạo điều kiện để công tác tuyên truyền pháp luật đến gần hơn với từng nhóm đối tượng trong xã hội. Đối với thanh thiếu niên, học sinh, sinh viên - những đối tượng cần được trang bị kiến thức, kỹ năng phòng ngừa, thì Cuộc thi này là dịp để tìm hiểu pháp luật bằng hình thức trực tuyến phù hợp với môi trường học tập và đời sống số. Với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, đây là cơ hội củng cố kiến thức pháp luật, nâng cao trách nhiệm trong công tác và đời sống. Với mỗi gia đình, việc ông bà, cha mẹ, anh chị em, con cháu cùng tìm hiểu pháp luật về phòng, chống ma túy sẽ góp phần hình thành môi trường gia đình chủ động phòng ngừa, phát hiện và ngăn chặn nguy cơ từ ma túy. Với cộng đồng, mỗi người tham gia chính là một **“tuyên truyền viên”**, góp phần lan tỏa kiến thức, nâng cao nhận thức và xây dựng lối sống lành mạnh, không ma túy. Vì vậy, để Cuộc thi thực sự trở thành một đợt sinh hoạt pháp luật sâu rộng, rất cần sự hưởng ứng của các cơ quan, đơn vị, địa phương, trường học, doanh nghiệp, tổ chức hội, đoàn thể và đông đảo Nhân

“Trợ lý AI”

một cách làm chia sẻ áp lực với cơ sở của Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi

Một hồ sơ hộ tịch đôi khi chỉ mất vài phút để giải quyết. Nhưng để giải quyết đúng quy định của pháp luật, cán bộ tư pháp, hộ tịch nhiều lúc phải tra cứu, đối chiếu hàng loạt văn bản, quy định, hướng dẫn nghiệp vụ, trong khi người dân vẫn đang chờ trước bàn làm việc. Từ áp lực rất thật đó, Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi đã thử một cách làm khác: đưa AI vào làm “trợ lý”, hỗ trợ công tác tra cứu, góp phần san sẻ áp lực cho cán bộ cơ sở.



Cán bộ Trung tâm Phục vụ hành chính công phường Cẩm Thành (Quảng Ngãi) hướng dẫn, tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính cho người dân

Áp lực nhìn từ cơ sở

Ở bộ phận một cửa cấp xã, những việc tưởng chừng quen thuộc như đăng ký khai sinh, đăng ký kết hôn, cải chính hộ tịch hay xác nhận thông tin lại thường phát sinh những tình huống không

giống nhau. Cán bộ vừa tiếp dân, hướng dẫn thủ tục, vừa phải rà hồ sơ, đối chiếu quy định, tìm căn cứ pháp lý để đảm bảo quyết định đưa ra đúng quy định của pháp luật. Trong khi đó, hệ thống pháp luật liên tục

cập nhật, điều chỉnh, yêu cầu cải cách thủ tục hành chính ngày càng cao, cùng với những thay đổi trong tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương đặt ra thêm nhiều yêu cầu mới. Khối lượng công việc tăng, trong khi việc

tra cứu vẫn phụ thuộc nhiều vào trí nhớ của cán bộ: nhớ tên văn bản, nhớ số điều khoản hoặc tìm kiếm qua nhiều nguồn tài liệu khác nhau.

Những con số thống kê không phản ánh hết áp lực đó. Áp lực nằm trong từng hồ sơ cụ thể, từng câu hỏi của người dân và từng phút cán bộ phải cân nhắc để tìm ra căn cứ chính xác. Chính từ yêu cầu thực tế đó, Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi đã đặt ra vấn đề: nếu tập hợp văn bản quy phạm pháp luật, tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ, quy trình xử lý công việc và các tình huống thường gặp trong

lĩnh vực hộ tịch thành một kho dữ liệu, liệu cán bộ có thể tra cứu thuận tiện hơn bằng cách đặt câu hỏi, giống như vấn trao đổi với đồng nghiệp?.

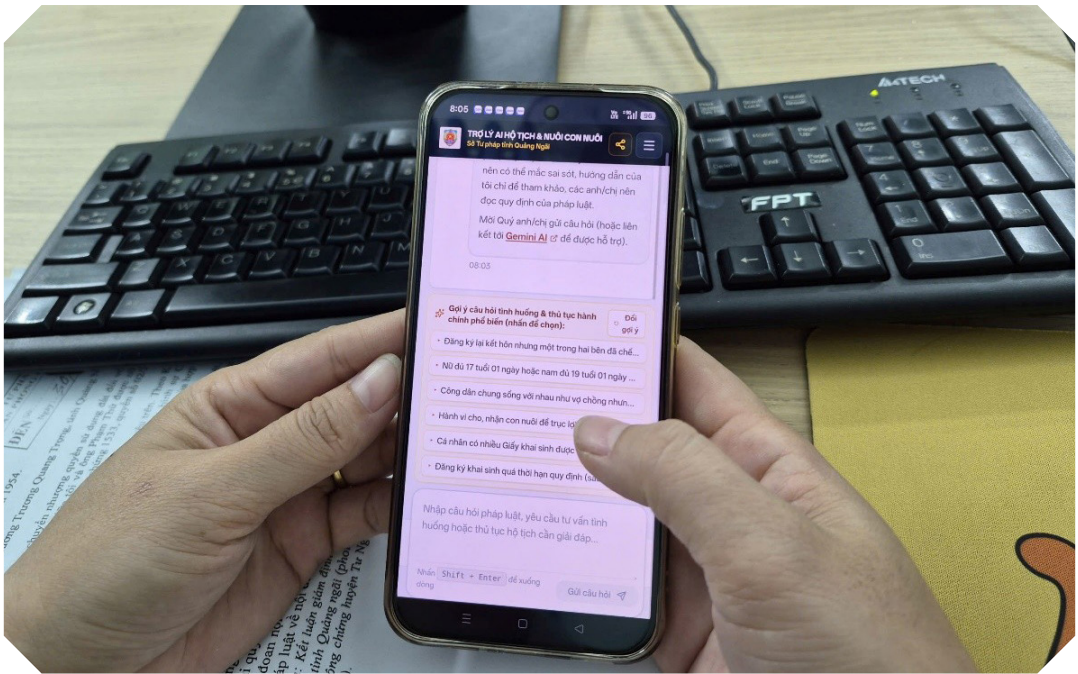
Từ nhu cầu thực tế đến “Trợ lý AI”

Tháng 7/2026, Sở Tư pháp đã xây dựng và đưa vào sử dụng một hệ thống chatbot AI chuyên ngành, hỗ trợ công chức làm công tác tư pháp, hộ tịch trong việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn và giải quyết thủ tục hành chính cho dân, đặc biệt ở cấp xã.

Hệ thống được xây trên nền dữ liệu gồm văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hướng dẫn nghiệp vụ,

quy trình xử lý công việc và các tình huống thực tiễn trong lĩnh vực hộ tịch, nuôi con nuôi thuộc phạm vi quản lý của ngành. Sở Tư pháp không bắt đầu câu chuyện bằng công nghệ, mà bắt đầu bằng nhu cầu trong công việc hằng ngày của cán bộ, công chức: rút ngắn thời gian tra cứu, giúp cán bộ, công chức tiếp cận nhanh hơn các quy định có liên quan và có thêm một phương thức tham khảo khi xử lý những vấn đề nghiệp vụ phát sinh.

Từ máy tính, công chức có thể đặt câu hỏi về tình huống mình đang gặp và nhận lại thông tin tham



Giao diện “Trợ lý AI hộ tịch & nuôi con nuôi” do Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi xây dựng, hỗ trợ công chức tư pháp, hộ tịch tra cứu quy định pháp luật, hướng dẫn nghiệp vụ và xử lý các tình huống thực tế

khảo, các căn cứ liên quan. Trên cơ sở đó, công chức tiếp tục kiểm tra, đối chiếu với văn bản pháp luật hiện hành trước khi đưa ra hướng xử lý. Công cụ không ra quyết định thay cán bộ, nhưng rút ngắn được khoảng cách giữa một câu hỏi nghiệp vụ và quy định cần tìm.

Đổi mới từ thực tiễn

Xây dựng được hệ thống mới chỉ là một phần của quá trình. Để nó thực sự đi vào công việc hằng ngày điều quan trọng là hệ thống phải đáp ứng được nhu cầu thực tế của đội ngũ trực tiếp sử dụng. Sở Tư pháp xác định chatbot chỉ có giá trị khi giải quyết được những vướng mắc cán bộ gặp mỗi ngày. Vì vậy quá trình xây dựng được gắn với yêu cầu chuyên môn: người hiểu luật tham gia xây dựng và kiểm tra dữ liệu, người dùng phản hồi tình huống thực tế, người làm công nghệ chuyển các yêu cầu đó thành công cụ dùng được.

Trong quá trình sử dụng, những tình huống chưa có câu trả lời đầy đủ, những vấn đề mới phát sinh hoặc những nội dung cần làm rõ cũng trở thành cơ sở để tiếp tục hoàn thiện hệ thống. Qua đó, công nghệ không đứng

tách khỏi thực tiễn mà được điều chỉnh từ chính những vấn đề cán bộ gặp phải trong công việc. Cách làm này cũng cho thấy chuyển đổi số không đơn thuần là đưa thêm một phần mềm vào cơ quan. Quan trọng hơn là thay đổi cách tổ chức công việc, khuyến khích cán bộ chủ động tiếp cận công nghệ, phản hồi từ thực tiễn và cùng tham gia hoàn thiện công cụ phục vụ nhiệm vụ chuyên môn.

Công nghệ hỗ trợ, trách nhiệm vẫn thuộc về cán bộ

Với Sở Tư pháp, chuyển đổi số cũng gắn với yêu cầu xây dựng đội ngũ đáp ứng nhiệm vụ trong tình hình mới. Cán bộ, công chức không chỉ cần nắm vững chuyên môn mà còn từng bước phải làm chủ các công cụ số, biết đặt câu hỏi, biết kiểm chứng thông tin và biết chịu trách nhiệm đối với kết quả xử lý công việc của mình. Có thêm công cụ hỗ trợ không có nghĩa là giảm yêu cầu đối với cán bộ. Ngược lại, việc sử dụng AI đặt ra yêu cầu cao hơn về năng lực chuyên môn và kỹ năng kiểm chứng thông tin, bởi câu trả lời của hệ thống chỉ có giá trị tham khảo và không thể thay thế việc nghiên cứu

hồ sơ, đối chiếu quy định pháp luật hiện hành.

Nguyên tắc được đặt ra là công nghệ hỗ trợ công việc, chứ không thay thế trách nhiệm công vụ. Khi xử lý một hồ sơ cụ thể, cán bộ vẫn phải nghiên cứu đầy đủ hồ sơ, xác định đúng căn cứ pháp lý, thực hiện đúng thẩm quyền và chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Chatbot vì vậy được xem như một phương thức tra cứu bổ sung, giúp cán bộ tìm kiếm thông tin nhanh hơn, nhưng không làm thay vai trò chuyên môn và trách nhiệm pháp lý của người thực hiện nhiệm vụ. Tạo điều kiện để cán bộ đổi cách làm việc, khi cách cũ không còn theo kịp yêu cầu, lại là chuyện khác và đó cũng là nơi vai trò người đứng đầu thể hiện rõ nhất: chủ động cho thử nghiệm, chấp nhận điều chỉnh, lắng nghe phản hồi từ người dùng, tạo môi trường để cán bộ mạnh dạn đề xuất và cùng hoàn thiện.

San sẻ áp lực để phục vụ dân tốt hơn

Khi việc sử dụng AI để tra cứu nghiệp vụ dần trở thành một phần trong công việc thường ngày, giá trị của chatbot không còn nằm ở bản thân công nghệ mà ở hiệu quả thực

tế mà công cụ mang lại. Pháp luật luôn thay đổi, trong khi tình huống ở cơ sở cũng không bao giờ giống hệt nhau. Vì vậy, hệ thống không thể xây dựng một lần rồi để đó. Những câu hỏi chưa có lời giải đáp rõ ràng, những quy định mới và những tình huống mới phát sinh, sẽ tiếp tục được rà soát, cập nhật để công cụ ngày càng sát với nhu cầu thực tế hơn.

Ở nơi người dân trực tiếp đến thực hiện thủ tục hành chính, hiệu quả của việc giảm áp lực tra cứu được thể hiện bằng những điều rất cụ thể. Người dân không quan tâm chatbot xây bằng công nghệ gì. Điều họ cần là biết hồ sơ của mình cần những gì, thủ tục được giải quyết ra sao, cán bộ hướng dẫn có đúng quy định và có phải đi lại thêm lần nữa chỉ vì thiếu thông tin hay không.

Nếu công nghệ giúp cán bộ tìm căn cứ nhanh hơn, có thêm thời gian dành cho hồ sơ và cho việc giao tiếp với người dân, thì lợi ích cuối cùng không nằm trên màn hình máy tính mà trở lại với người dân ở phía bên kia bàn làm việc. Nhìn rộng hơn, chatbot AI của Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi không chỉ là

một sản phẩm công nghệ mà còn là một cách tiếp cận trong tổ chức công việc, đưa công nghệ đến gần hơn với cán bộ cơ sở để giải quyết một áp lực cụ thể, đồng thời đặt ra yêu cầu mới về năng lực, trách nhiệm và tinh thần đổi mới của đội ngũ.

Dấu ấn của Đảng bộ Sở Tư pháp trong câu chuyện này không nằm ở việc gắn một sáng kiến công nghệ với khẩu hiệu đổi mới, mà thể hiện qua cách chọn đúng vấn đề từ thực tiễn, khuyến khích cán bộ tự tìm cách giải quyết, và hướng kết quả cuối cùng vào việc phục vụ nhân dân tốt hơn. Một tổ chức Đảng trong cơ quan chuyên môn muốn phát huy vai trò lãnh đạo, không chỉ bằng chủ trương mà còn phải biến chủ trương đó thành những thay đổi cụ thể trong công việc hằng ngày. Đổi mới phương thức làm việc, nâng cao năng lực cán bộ, ứng dụng công nghệ đúng mục đích và giữ vững trách nhiệm công vụ - đó là những biểu hiện cụ thể của quá trình ấy.

Phía trước, Sở Tư pháp còn nhiều việc phải làm: tiếp tục hoàn thiện dữ liệu, cập nhật quy định mới, nâng kỹ năng số cho cán bộ và đảm bảo sử

dụng AI đúng mục đích, đúng quy định. Nhưng từ một nhu cầu rất cụ thể ở cơ sở, một cách làm mới đã mở ra. Một cán bộ cần tìm một quy định trong lúc người dân đang chờ. Một công cụ giúp rút ngắn thời gian tìm kiếm. Một người đứng đầu tạo điều kiện cho sáng kiến được thử. Một tập thể cùng tham gia hoàn thiện. Và sau cùng, kết quả được đo bằng việc cán bộ có làm việc thuận lợi hơn, người dân có được phục vụ tốt hơn hay không.

Đó cũng là ý nghĩa sâu xa của chuyển đổi số trong công tác tư pháp: công nghệ không thay con người, càng không thay trách nhiệm của con người. Nó chỉ thực sự có giá trị khi giúp con người làm tốt hơn phần việc của mình.

Với Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi, "Trợ lý" AI vì thế không chỉ là câu chuyện về một công cụ mới mà còn là câu chuyện về một cơ quan nhìn thấy áp lực từ cơ sở, tìm cách chia sẻ áp lực ấy và từng bước xây dựng một đội ngũ đủ năng lực làm chủ cái mới trong khi vẫn giữ vững trách nhiệm trước Nhân dân. □

(Ngọc Diễm -
Hong Hiền)

MỘT SỐ KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC

liên quan đến thể chế khi thi hành pháp luật về đất đai

Luật Đất đai năm 2024, có hiệu lực từ ngày 01/8/2024 cùng hệ thống các văn bản hướng dẫn thi hành như các Nghị định số 88/2024/NĐ-CP, Nghị định số 101/2024/NĐ-CP, Nghị định số 102/2024/NĐ-CP, Nghị định số 103/2024/NĐ-CP, Nghị định số 104/2024/NĐ-CP của Chính phủ... đã ghi nhận nhiều kết quả rất quan trọng, góp phần tháo gỡ những khó khăn vướng mắc về thể chế trong thi hành pháp luật về đất đai. Theo đó, Luật đã bỏ khung giá đất, xác định giá đất theo nguyên tắc thị trường thay vào đó bằng giá đất được xây dựng và điều chỉnh hằng năm để sát với giá thị trường; mở rộng điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) đối với đất sử dụng ổn định không có giấy tờ trước ngày 01/7/2014, không có tranh chấp. Đa dạng hóa hình thức bồi thường, bồi thường bằng đất khác mục đích sử dụng hoặc bằng nhà ở thay vì chỉ bồi thường bằng tiền/đất cùng loại. Cắt giảm thủ tục hành chính và đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; hoàn thiện hệ thống hạ tầng dữ liệu đất đai... Tuy nhiên, vẫn còn có nhiều khó khăn, vướng mắc khi thực thi pháp luật về đất đai hiện hành, nhất là liên quan đến thể chế, đơn cử như sau:

Thứ nhất, tại khoản 3 Điều 72 Luật Đất đai 2024 quy định **“Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh...”**; nhưng tại khoản 5 Điều 36 Luật Quy hoạch 2025 quy định thẩm quyền **“Chủ tịch UBND cấp tỉnh phê duyệt quy hoạch tỉnh, quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh,...”** là không thống nhất. Đồng thời, các nội dung tại Điều 66, Điều 67 Luật Đất đai 2024 về



Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, Kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện hiện nay không còn phù hợp với Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2025. Do vậy, cần rà soát lại các nội dung về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để xây dựng Luật Đất đai (sửa đổi) phù hợp với Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2025, Luật Quy hoạch 2025.

Thứ hai, tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai đã quy định các trường hợp sửa đổi bằng giá đất và khoản 3 Điều 6 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP quy định các trường hợp bổ sung bằng giá đất. Đồng thời, tại điểm a khoản 1 Mục III Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 49/2026/NĐ-CP quy định **“Trình tự, thủ tục sửa đổi, bổ sung bằng giá đất quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 6 của Nghị định này do cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh áp dụng một số hoặc toàn bộ trình tự quy định tại Điều 13 và Điều 14 của Nghị định số 71/2024/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 151/2025/**

NĐ-CP, Nghị định số 226/2025/NĐ-CP), báo cáo UBND cấp tỉnh để trình HĐND cấp tỉnh quyết định, trừ trường hợp chỉ sửa đổi theo quy định tại khoản 2, khoản 3 mục này”. Tuy nhiên, Nghị định số 49/2026/NĐ-CP không quy định rõ trường hợp nào áp dụng một số, trường hợp nào áp dụng toàn bộ trình tự quy định tại Điều 13 và Điều 14 của Nghị định 71/2024/NĐ-CP tạo ra sự lúng túng cho địa phương áp dụng khi không có sự thống nhất giữa các cơ quan có liên quan.

Thứ ba, tại điểm b khoản 4 Điều 14 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai giao UBND tỉnh quy định nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp của Trung tâm Phát triển quỹ đất **“Tiền bán hồ sơ đấu giá quyền sử dụng đất, kinh phí tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất thu được theo quy định của pháp luật và quy định cụ thể của UBND cấp tỉnh”**. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 3 Điều 66 Luật Đấu giá tài sản được bổ sung tại khoản 40 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản 2024 quy định tiền bán hồ sơ mời tham gia đấu giá thuộc về **tổ chức hành nghề đấu giá tài sản**; tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được quyền thu, quản lý, sử dụng tiền bán hồ sơ mời tham gia đấu giá theo quy định của pháp luật (khoản 14 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản 2024). Đồng thời, tại Điều 7 Thông tư số 03/2025/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản; quy định việc thu, chi, quản lý và sử dụng tiền bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiền đặt trước của người tham gia đấu giá không được nhận lại theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản. Như vậy nội dung giao quy định chi

tiết quy định tại điểm b khoản 4 Điều 14 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP giao UBND tỉnh ban hành quy định cụ thể về tiền bán hồ sơ đấu giá quyền sử dụng đất, kinh phí tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất là nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp của Trung tâm Phát triển quỹ đất sẽ không phù hợp với quy định tại khoản 14, khoản 40 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản 2024 và Thông tư số 03/2025/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Thứ tư, một trong những trường hợp thu hồi đất là trong trường hợp chấm dứt dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư được quy định tại điểm d khoản 1 Điều 82 Luật Đất đai 2024 và phải có căn cứ là văn bản chấm dứt dự án đầu tư theo quy định tại điểm d khoản 5 Điều 82 Luật Đất đai 2024. Trong khi đó, điểm đ khoản 2 Điều 36 Luật Đầu tư 2025 quy định cơ quan đăng ký đầu tư chấm dứt hoặc chấm dứt một phần hoạt động của dự án đầu tư trong trường hợp bị thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai. Điều này có thể hiểu rằng, việc chấm dứt hoặc chấm dứt một phần dự án đầu tư thì phải có quyết định thu hồi đất trước, ngược lại pháp luật về đất đai thì quy định là phải có văn bản chấm dứt dự án trước. Điều này tạo ra sự mâu thuẫn, chồng chéo gây ra việc khó khăn cho các cơ quan có thẩm quyền trong việc thu hồi đất hoặc chấm dứt, chấm dứt một phần dự án đầu tư.

Thiết nghĩ, các cơ quan có thẩm quyền liên quan cần sớm sửa đổi, bổ sung các nội dung còn bất cập, vướng mắc này nhằm đảm bảo các quy định pháp luật về đất đai được hoàn thiện, thống nhất, đảm bảo tính khả thi, hiệu quả góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người dân, doanh nghiệp. □

Ths - Luật gia Phạm Văn Chung

Chuyển giao thẩm quyền chứng thực từ UBND cấp xã sang tổ chức hành nghề công chứng

NHỮNG KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN

Thực hiện quy định của Luật Công chứng năm 2024, Nghị định số 104/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ và Nghị định số 280/2025/NĐ-CP ngày 27/10/2025 của Chính phủ, UBND tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành Quyết định số 54/2025/QĐ-UBND ngày 29/12/2025 về chuyển giao thẩm quyền chứng thực từ UBND cấp xã sang tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh. Theo đó, tỉnh thực hiện chuyển giao toàn bộ thẩm quyền chứng thực đối với các loại việc theo quy định trên một số địa bàn có 02 tổ chức hành nghề công chứng; đồng thời, chuyển giao thẩm quyền chứng thực chữ ký người dịch và chứng thực giao dịch tại một số địa bàn có 01 tổ chức hành nghề công chứng. Sau hơn 08 tháng thực hiện, việc chuyển giao đã góp phần giảm áp lực công việc cho UBND cấp xã, tạo điều kiện để công chức tư pháp

tập trung thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn khác như hộ tịch, hòa giải, phổ biến, giáo dục pháp luật; qua đó góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước ở cơ sở.

Tuy nhiên, thực tiễn triển khai cũng phát sinh những khó khăn, vướng mắc, tác động trực tiếp đến cá nhân, tổ chức, nhất là hộ nghèo, hộ cận nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn và gia đình chính sách, cụ thể:

Thứ nhất, chênh lệch về chi phí giữa chứng thực giao dịch tại UBND cấp xã và công chứng giao dịch tại tổ chức hành nghề công chứng.

Theo Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, phí chứng thực hợp đồng, giao dịch tại UBND cấp xã là 50.000 đồng/hợp đồng, giao dịch; đối với sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch là 30.000 đồng/hợp đồng, giao dịch và sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực là 25.000

đồng. Trong khi đó, phí công chứng giao dịch tại tổ chức hành nghề công chứng được xác định theo giá trị tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch; ngoài phí công chứng, cá nhân, tổ chức còn có thể phải trả giá dịch vụ theo yêu cầu đối với việc soạn thảo, đánh máy, sao chụp, dịch giấy tờ, văn bản liên quan đến giao dịch.

Như vậy, chi phí khi thực hiện công chứng giao dịch tại tổ chức hành nghề công chứng có thể cao hơn đáng kể so với chi phí chứng thực tại UBND cấp xã. Vấn đề này có tác động rõ hơn tại Quảng Ngãi, nơi tỷ lệ hộ nghèo còn cao, số lượng người dân là đồng bào dân tộc thiểu số nhiều và đời sống của một bộ phận người dân còn khó khăn. Việc chuyển giao vì vậy, bên cạnh những kết quả tích cực về quản lý nhà nước, đang làm phát sinh gánh nặng tài chính đối với một bộ phận người dân. Thực tế này đã dẫn đến nhiều ý kiến đề nghị không thực hiện chuyển giao thẩm

quyền chứng thực từ Chủ tịch UBND cấp xã sang tổ chức hành nghề công chứng để cá nhân, tổ chức tiếp tục được lựa chọn công chứng hoặc chứng thực tại UBND cấp xã như trước đây.

Thứ hai, chưa có quy định đầy đủ về chi phí soạn thảo và dịch giấy tờ, văn bản trong hoạt động chứng thực.

Khoản 3 Điều 15 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng giao dịch **chưa quy định** chi phí đối với việc soạn thảo văn bản để chứng thực chữ ký, như soạn thảo giấy ủy quyền, trong trường hợp nội dung văn bản không có sẵn mà được soạn thảo theo yêu cầu của người yêu cầu chứng thực. Quy định hiện hành cũng chưa quy định cụ thể chi phí dịch giấy tờ, văn bản khi thực hiện chứng thực chữ ký người dịch.

Vấn đề này càng trở nên đáng lưu ý trong bối cảnh Luật Công chứng năm 2024 quy định công chứng viên không thực hiện công chứng bản dịch mà thực hiện chứng thực chữ ký người dịch. Trong

khi đó, đối với hoạt động công chứng, tổ chức hành nghề công chứng có thể thu phí công chứng và giá dịch vụ theo yêu cầu đối với các công việc như soạn thảo, đánh máy, sao chụp, dịch giấy tờ, văn bản liên quan. Sự khác biệt về cơ chế chi phí giữa công chứng và chứng thực vì vậy cần được tiếp tục hoàn thiện để bảo đảm tính thống nhất, minh bạch trong tổ chức thực hiện.

Từ thực tiễn nêu trên, thiết nghĩ việc hoàn thiện cơ chế chuyển giao cần được đặt trong tổng thể các giải pháp về phí, chi phí và chính sách hỗ trợ đối với người sử dụng dịch vụ.

Trước hết, cần nghiên cứu điều chỉnh mức thu phí công chứng giao dịch tại tổ chức hành nghề công chứng theo hướng hài hòa, tương đồng hơn với mức thu phí chứng thực giao dịch tại UBND cấp xã, nhất là tại những địa bàn thực hiện chuyển giao và có điều kiện kinh tế - xã hội còn khó khăn. Đây là giải pháp nhằm hạn chế gánh nặng tài chính phát sinh đối với cá nhân, tổ chức khi thực hiện giao dịch sau chuyển giao. Trong thời gian chưa điều chỉnh được mức thu

phí, cần nghiên cứu cơ chế miễn, giảm hoặc hỗ trợ phí công chứng giao dịch đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn và gia đình chính sách. Chính sách hỗ trợ này sẽ góp phần bảo đảm việc chuyển giao được thực hiện thuận lợi, đồng thời tạo sự đồng thuận của người dân.

Bên cạnh đó, cần tham mưu Chính phủ quy định cụ thể chi phí soạn thảo, dịch văn bản, giấy tờ liên quan đến chứng thực, bảo đảm công khai, minh bạch và thống nhất trong thực hiện. Việc quy định rõ các khoản chi phí này cũng góp phần hạn chế sự chênh lệch không hợp lý giữa chi phí công chứng và chi phí chứng thực, đồng thời khắc phục tình trạng thu chi phí dịch văn bản, giấy tờ không thống nhất giữa các xã, phường, đặc khu.

Về phía địa phương, trong quá trình sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Quyết định số 54/2025/QĐ-UBND, cần tiếp tục đánh giá kết quả thực hiện và tác động thực tế của việc chuyển giao, nhất là tác động về chi phí đối với người dân. Theo Kế hoạch số 214/KH-UBND ngày 11/6/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi triển khai thi hành Luật số

QUYẾT ĐỊNH

Chuyển giao thẩm quyền chứng thực từ Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã sang tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Công chứng số 46/2024/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15;

Căn cứ Luật Nhà ở số 27/2023/QH15;

Căn cứ Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;

Căn cứ Nghị định số 280/2025/NĐ-CP ngày 27/10/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 07/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 104/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng;

Căn cứ Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Thông tư số 11/2025/TT-BTP ngày 25/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp;

04/2026/QH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Công chứng, việc ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung quyết định chuyển giao sẽ được thực hiện để phù hợp với quy định pháp luật và tình hình thực tiễn của tỉnh.

Trong điều kiện các quy định về chi phí liên quan đến chứng thực chưa được hoàn thiện, định hướng trước mắt của tỉnh là chỉ thực hiện chuyển giao thẩm quyền chứng thực giao dịch từ Chủ tịch UBND cấp xã sang tổ chức hành nghề công chứng theo quy định tại khoản 3 Điều 19 Luật Công chứng năm 2024 và điểm e

khoản 1 Điều 63 Nghị định số 104/2025/NĐ-CP. Cách tiếp cận này vừa bảo đảm thực hiện đúng quy định pháp luật, vừa tạo điều kiện để địa phương cân nhắc đầy đủ các yếu tố thực tiễn trước khi mở rộng phạm vi chuyển giao.

Thực tiễn hơn 07 tháng triển khai chuyển giao thẩm quyền chứng thực tại Quảng Ngãi cho thấy chủ trương này đã góp phần giảm tải cho chính quyền cấp xã và nâng cao hiệu quả phân công thực hiện nhiệm vụ. Tuy nhiên, vẫn còn đó nhiều khó khăn, vướng mắc đặt ra yêu cầu tiếp tục hoàn thiện cơ chế pháp

lý và tài chính. Vì vậy, để việc chuyển giao thực sự đạt được mục tiêu đề ra, cần đồng thời giải quyết hai yêu cầu: bảo đảm hiệu quả hoạt động công chứng, chứng thực và bảo đảm khả năng tiếp cận dịch vụ với chi phí phù hợp của người dân, nhất là các nhóm có hoàn cảnh khó khăn. Đây là cơ sở quan trọng để việc chuyển giao thẩm quyền được thực hiện phù hợp với điều kiện thực tiễn, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức và tạo sự đồng thuận trong quá trình tổ chức thực hiện. □

Trung Hiếu

Sở Tư pháp tổ chức các hội nghị tập huấn nghiệp vụ lĩnh vực công tác tư pháp trong Quý III năm 2026



Hội nghị tập huấn, bồi dưỡng kiến thức kỹ năng, nghiệp vụ chuyển đổi số trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2026

Thực hiện các Kế hoạch của UBND tỉnh về triển khai thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2026 và Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Chuyển đổi số trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật giai đoạn 2025 - 2030” trên địa bàn tỉnh (Kế hoạch số 137/KH-UBND ngày 18/6/2025); trên cơ sở chương trình công tác và Kế hoạch số 63/KH-STP

ngày 02/7/2026 của Sở Tư pháp, ngày 24/7/2026, Sở Tư pháp tổ chức Hội nghị tập huấn bồi dưỡng kiến thức kỹ năng, nghiệp vụ chuyển đổi số trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2026. Hội nghị được tổ chức trực tiếp tại trụ sở Sở Tư pháp kết hợp với trực tuyến tại 96 điểm cầu UBND cấp xã thông qua Phần mềm Zoom. Tham dự hội nghị có đại diện lãnh đạo một số cơ quan ở tỉnh; công chức, báo cáo viên pháp luật tỉnh tại các sở, ban, ngành, hội đoàn thể tỉnh; các báo cáo viên thực hiện báo cáo 02 chuyên

đề tại hội nghị là Trưởng Phòng phổ biến, giáo dục pháp luật, Sở Tư pháp và Chuyên viên Trung tâm Chuyển đổi số và Đổi mới sáng tạo thuộc Sở Khoa học và Công nghệ - người có kinh nghiệm trong trao đổi, truyền đạt cách thức tạo các sản phẩm số trong tuyên truyền pháp luật; điểm cầu tại các địa phương có đại diện lãnh đạo UBND, Ủy ban MTTQVN cấp xã, lãnh đạo và công chức các phòng, ban, tuyên truyền viên pháp luật của 96 đơn vị cấp xã.

Phát biểu chỉ đạo khai mạc hội nghị, ông Vương Văn Tuyên - Phó Giám đốc Sở Tư pháp đã nêu mục đích, ý nghĩa của công tác phổ biến, giáo dục pháp luật đề cao vai trò, trách nhiệm thực hiện công tác này tại các cơ quan, địa phương, đặc biệt là hiện nay cần đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ số, chuyển đổi số trong phổ biến, giáo dục pháp luật đang là xu thế tất yếu, là động lực quan trọng thúc đẩy đổi

mới phương thức quản lý nhà nước, nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp; trong đó công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuyển đổi số không chỉ là việc ứng dụng công nghệ thông tin mà còn là sự đổi mới toàn diện về tư duy, phương pháp tổ chức thực hiện, góp phần đưa pháp luật đến gần hơn với người dân thông qua các nền tảng số, môi trường mạng và các phương tiện truyền thông hiện đại... đợt tập huấn này nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng cơ bản khi ứng dụng các nền tảng số, trí tuệ nhân tạo và các công cụ công nghệ trong xây dựng, quản lý, truyền tải nội dung pháp luật trong giai đoạn mới.

Tại lớp tập huấn, đại biểu đã nghe các báo cáo viên pháp luật triển khai một số nội dung cơ bản, điểm mới về kỹ năng, nghiệp vụ tuyên truyền, PBGDPL; cách thức xây dựng nội dung phổ biến giáo dục pháp luật trực tuyến; ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong công tác PBGDPL; sản xuất nội dung số trong PBGDPL... đồng thời, các đại biểu được trực tiếp thao tác, thực hành sử dụng các nền tảng, ứng dụng công nghệ số trong PBGDPL,

với cách làm mới, sáng tạo, hiện đại, dễ tiếp thu, hình ảnh, video sôi động hấp dẫn, lôi cuốn... Với những thông tin, kiến thức trình bày tại hội nghị tập huấn đã góp phần bổ sung kiến thức cho lực lượng làm công tác PBGDPL, từ đó vận dụng thực hiện tại cơ quan, địa phương và tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, chuyển đổi số trong công tác tuyên truyền, PBGDPL trên địa bàn tỉnh.

Hội nghị tập huấn về công tác hộ tịch cho đội ngũ công chức làm công tác đăng ký, quản lý hộ tịch cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2026

Thực hiện Quyết định số 289/QĐ-UBND ngày 18/12/2025 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026; Quyết định số 06/QĐ-STP ngày 06/01/2026 về ban

hành Chương trình công tác năm 2026 của Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi. Nhằm bảo đảm việc triển khai nhiệm vụ chuyên môn về hộ tịch đáp ứng yêu cầu thực tiễn của đội ngũ công chức cấp xã, trong các ngày 19 và 21/8/2026, Sở Tư pháp tổ chức các Hội nghị tập huấn nghiệp vụ về công tác hộ tịch, cho đội ngũ công chức làm công tác đăng ký, quản lý hộ tịch cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2026.

Đồng chí Lê Chí Phương, Phó Giám đốc Sở dự và chỉ đạo các Hội nghị. Đại biểu tham dự Hội nghị bao gồm đại diện Lãnh đạo cấp xã phụ trách công tác hộ tịch; công chức hộ tịch thuộc Văn phòng HĐND&UBND và công chức tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công của địa phương. Theo đó, Hội nghị



được tổ chức trực tiếp tại 02 địa điểm, cụ thể: Tại phường Cẩm Thành, hơn 150 đại biểu của 56 xã, phường, đặc khu phía Đông tỉnh; tại phường Kon Tum, gần 120 đại biểu của 40 xã, phường phía Tây tỉnh.

Tại các Hội nghị, các Báo cáo viên đã tập trung phổ biến, quán triệt những điểm mới và nội dung cốt lõi của Luật Hộ tịch năm 2026; Hướng dẫn chuyên sâu nghiệp vụ đăng ký, quản lý hộ tịch; giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tiễn, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện và thống nhất nghiệp vụ đối với đội ngũ công chức làm công tác đăng ký, quản lý hộ tịch cấp xã trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, các đại biểu và báo cáo viên thảo luận, trao đổi kinh nghiệm giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn công tác.

Hội nghị là dịp để các đại biểu cập nhật, hệ thống hóa và trang bị kịp thời những quy định mới của Luật Hộ tịch năm 2026; nâng cao kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ, kỹ năng xử lý tình huống phát sinh trong thực tiễn; tăng cường năng lực tham

mưu, tổ chức thực hiện và giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực hộ tịch tại địa phương; kịp thời trao đổi, hướng dẫn, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; thống nhất nhận thức, cách hiểu và cách áp dụng pháp luật về hộ tịch trên phạm vi toàn tỉnh. Góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đăng ký và quản lý hộ tịch; bảo đảm việc giải quyết hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đúng quy định pháp luật, đúng trình tự, thủ tục, đúng thời hạn; đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính, chuyển đổi số và xây dựng nền hành chính phục vụ Nhân dân ngày càng chuyên nghiệp, hiện đại.

Hội nghị tập huấn kỹ năng xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật và hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật

Thực hiện Chương trình công tác của Sở Tư pháp, sáng ngày 26/8/2026, Sở Tư pháp đã tổ chức Hội nghị tập huấn kỹ năng xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật; tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật và

hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật.

Tham dự Hội nghị có đại diện lãnh đạo Sở Tư pháp; lãnh đạo, chuyên viên Phòng Xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật cùng với hơn 250 đại biểu là đại diện lãnh đạo Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; công chức phụ trách công tác pháp chế tại các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Thuế tỉnh Quảng Ngãi, Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi; đại diện lãnh đạo Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, các Ban của HĐND, Văn phòng Ủy ban nhân dân và Văn phòng Hội đồng nhân dân và công chức tư pháp liên quan đến tham mưu xây dựng, ban hành, tổ chức thi hành và hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật của 56 xã, phường, đặc khu ở phía Đông tỉnh Quảng Ngãi.

Tại Hội nghị, các báo cáo viên đã phổ biến, giới thiệu một số nội dung của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; quy trình xây dựng, ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, quyết định của



Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; quy trình xây dựng, ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã, quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã; quy định của pháp luật về tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật và một số nội dung về hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Pháp lệnh số 01/2012/UBTVQH13 ngày 22/3/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung tại Pháp lệnh số 01/2026/UBTVQH16 ngày 10/6/2026 và Nghị định số 250/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết về kỹ thuật trình bày văn bản hợp nhất.

Bên cạnh việc cập nhật các quy định mới, Hội nghị cũng dành nhiều thời gian hướng dẫn chuyên sâu về nghiệp

vụ trong quy trình xây dựng, ban hành, hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật; giải đáp các khó khăn, vướng mắc mà các cơ quan, đơn vị phát sinh trong quá trình thực hiện.

Hội nghị đã diễn ra trong không khí sôi nổi, tích cực trao đổi, thảo luận giữa báo cáo viên và các cán bộ, công chức tham gia về những vấn đề mới, thắc mắc, góp phần nâng cao hiệu quả trong thực tiễn công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật và hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật.

Hội nghị bồi dưỡng kiến thức pháp luật theo Đề án “Tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân” và Điều 17 Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật

Thực hiện Kế hoạch của UBND tỉnh Quảng

Ngãi về triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2026 và Kế hoạch thực hiện Đề án tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân trên địa bàn tỉnh; trên cơ sở nhiệm vụ được giao, Sở Tư pháp đã ban hành Kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật theo Đề án và theo Điều 17 Luật PBGDPL tại vùng dân tộc thiểu số, miền núi (*Kế hoạch số 80/KH-STP và số 81/KH-STP ngày 31/7/2026*), theo đó trong 02 ngày 19 - 20/8/2026, Sở Tư pháp phối hợp với UBND xã Mô Rai và Ia Chim tổ chức tập huấn bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho lực lượng làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải viên cơ sở tại 02 xã cho gần 200 đại biểu tham dự là đại diện lãnh đạo HĐND, UBND, UBMTTQ Việt Nam cấp xã, đại diện lãnh đạo Văn phòng HĐND và UBND, công chức làm công tác tư pháp, các hội đoàn thể chính trị - xã hội, công chức các phòng, ban, đơn vị ở xã, tuyên truyền viên pháp luật, tổ trưởng tổ hoà giải và hòa giải viên ở cơ sở. Chủ trì các hội

ng nghị là đồng chí Vương Văn Tuyên, Phó Giám đốc Sở; Trưởng Phòng phổ biến, giáo dục pháp luật, công chức Phòng PBGDPL thuộc Sở cùng tham dự.

Phát biểu khai mạc tại 02 lớp tập huấn, ông Vương Văn Tuyên đã nêu mục đích, ý nghĩa trong đợt tổ chức lớp tập huấn, cùng với các chuyên đề quy định mới về pháp luật phòng chống ma túy, mua bán người, tiếp cận thông tin và hướng dẫn về giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp đất đai, dân

sự, hôn nhân gia đình với nhiều tình huống phù hợp, thiết thực... đồng thời đề nghị các đại biểu tham dự tập trung lắng nghe, nắm bắt những nội dung do báo cáo viên trình bày và tích cực, tham gia trao đổi, thảo luận về khó khăn, vướng mắc thực tiễn tại địa phương trong việc thực hiện nhiệm vụ lĩnh vực tư pháp; sau đợt tập huấn, các đại biểu cần vận dụng những kiến thức này để phục vụ cho hoạt động, nhiệm vụ tại địa phương nhất là trong việc PBGDPL, hòa giải

ở cơ sở và lan tỏa, tuyên truyền trong Nhân dân trên địa bàn.

Qua 02 đợt tập huấn này, đại biểu đã nghe báo cáo viên pháp luật tỉnh phổ biến các nội dung nêu trên, đã giúp các đại biểu có những hiểu biết hơn về kiến thức pháp luật mới ban hành để tiếp tục tuyên truyền, vận động người dân chấp hành tốt các quy định pháp luật trên địa bàn và tiếp tục thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền, PBGDPL, hòa giải ở cơ sở trong thời gian tới ở địa phương. □



MỞ RỘNG ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ THEO LUẬT SỬA ĐỔI LUẬT TRỢ GIÚP PHÁP LÝ NĂM 2026 BƯỚC TIẾN TRONG BẢO ĐẢM QUYỀN TIẾP CẬN CÔNG LÝ

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới (Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022) đã xác định một trong những nhiệm vụ, giải pháp để xây dựng nền tư pháp chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh, liêm chính, phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân là “Nâng cao vai trò, tính chuyên nghiệp và chất lượng trợ giúp pháp lý, nhất là trong hoạt động tố tụng tư pháp... mở rộng đối tượng được trợ giúp pháp lý phù hợp với điều kiện của đất nước”. Thực hiện chủ trương của Đảng, tại kỳ họp thứ Nhất ngày 23/4/2026, Quốc hội khóa XVI đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý (Luật số 05/2026/QH16), đánh dấu sự chuyển biến căn bản về tư duy lập pháp, mở rộng toàn diện đối tượng thụ hưởng và giảm thiểu các thủ tục hành chính, bảo đảm mọi công dân thuộc diện yếu thế đều được bình đẳng trong tiếp cận công lý.



Từ những bất cập trong quy định về đối tượng thụ hưởng của Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017

Theo quy định của Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017 và Nghị định số 144/2017/NĐ-CP của Chính phủ, người được trợ giúp pháp lý được giới hạn trong 14 nhóm đối tượng cụ thể. Tuy nhiên, qua quá trình thi hành, cơ chế xác định đối

tượng, điều kiện thụ hưởng đã bộc lộ những hạn chế, chưa đáp ứng kịp thời yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và cải cách tư pháp. Nhất là quy định về nhóm người được trợ giúp pháp lý tại khoản 7 Điều 7 Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017 “Người thuộc một trong các trường hợp sau đây có khó khăn về tài chính: a) Cha đẻ, mẹ đẻ, vợ, chồng, con của liệt sĩ và người có công nuôi dưỡng khi liệt sĩ còn nhỏ; b) Người nhiễm chất độc da cam; c) Người cao tuổi; d) Người khuyết tật;...”. Theo quy định này, nhóm đối tượng chính sách như thân nhân của liệt sĩ và người có công với cách mạng, người nhiễm chất độc hóa học, người khuyết tật bị ràng buộc bởi điều kiện kèm theo là phải thuộc hộ cận nghèo hoặc đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng. Trong thực tiễn công tác trợ giúp pháp lý, quy định về điều kiện “có khó khăn về tài chính” đã tạo ra rào cản hành chính đáng kể, phát sinh yêu cầu về thủ tục hành chính, giảm đi giá trị nhân văn của

chính sách ưu đãi, tri ân đối với người có công, người yếu thế. Qua công tác tiếp công dân tại Phòng Tiếp công dân của Sở Tư pháp, Trung tâm Trợ giúp pháp lý cho thấy, nhiều trường hợp có đầy đủ hồ sơ chứng minh nhân thân của người có công, người khuyết tật nhưng không đáp ứng quy định về hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo theo tiêu chí đa chiều nên không thể cung cấp giấy tờ chứng minh điều kiện khó khăn về tài chính. Hơn nữa, đứng dưới góc độ quy định của pháp luật chuyên ngành về người khuyết tật thì quy định này của Luật Trợ giúp pháp lý chưa phù hợp, thống nhất với quy định tại điểm d khoản 1 Điều 4 Luật người khuyết tật năm 2010 “*Người khuyết tật được bảo đảm thực hiện các quyền sau đây: ... d) Được chăm sóc sức khỏe, phục hồi chức năng, học văn hóa, học nghề, việc làm, trợ giúp pháp lý...*”. Theo đó, người khuyết tật được hưởng chính sách trợ giúp pháp lý mà không cần điều kiện “có khó khăn về tài chính”; điều này làm giảm đi giá trị nhân văn, nhân đạo - giá trị cốt lõi của chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước giành cho người khuyết tật.

Đến quy định về mở rộng diện đối tượng thụ hưởng theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý năm 2026

Nhằm khắc phục toàn diện những hạn chế, bất cập về đối tượng được trợ giúp pháp lý của Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý năm 2026 đã cho thấy bước tiến bộ, đột phá trong tư duy lập pháp thông qua việc bãi bỏ yêu cầu thủ tục hành chính kèm theo đối với nhóm đối tượng chính sách truyền thống và bổ sung các nhóm đối tượng yếu thế mới phát sinh trong đời

sống kinh tế - xã hội để phù hợp với thực tiễn của đất nước, cụ thể:

Thứ nhất, bãi bỏ điều kiện khó khăn về tài chính, Luật sửa đổi năm 2026 loại bỏ hoàn toàn điều kiện này đối với 03 nhóm đối tượng là thân nhân liệt sĩ và người có công với cách mạng (*bao gồm cha đẻ, mẹ đẻ, vợ, chồng, con của liệt sĩ và người có công nuôi dưỡng khi liệt sĩ còn nhỏ*); người nhiễm chất độc hóa học và người khuyết tật. Quy định mới này đánh dấu bước chuyển dịch quan trọng từ việc xét duyệt thủ tục, điều kiện đi kèm sang quyền thụ hưởng đương nhiên, gắn liền với tư cách pháp lý đặc thù và chính sách an sinh xã hội của Đảng, Nhà nước. Việc loại bỏ yêu cầu xác nhận, chứng minh về thu nhập, điều kiện tài chính không chỉ giảm thiểu tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính cho công dân, mà còn thể hiện sâu sắc tính nhân văn và chính sách tri ân của Đảng, Nhà nước đối với người có công và các nhóm đối tượng yếu thế.

Thứ hai, bổ sung các nhóm đối tượng thụ hưởng mới, Luật sửa đổi năm 2026 mở rộng phạm vi bao phủ của chính sách trợ giúp pháp lý đối với các nhóm đối tượng chưa được pháp luật hiện hành quy định đầy đủ. Cụ thể, Luật đã bổ sung nhóm người lao động có thu nhập thấp khi tham gia tố tụng với tư cách là người bị buộc tội hoặc người bị hại trong các vụ án hình sự, dân sự, lao động, hành chính, nhằm bảo đảm quyền bảo vệ hợp pháp cho lực lượng yếu thế trong quan hệ lao động và đời sống xã hội; bổ sung cá nhân bị thiệt hại trong các vụ việc yêu cầu bồi thường theo Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước (*trong trường hợp không thuê người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp*), bảo đảm

(Xem tiếp trang 45)

Những nội dung cơ bản của Thông tư số 10/2026/TT-BTP của Bộ Tư pháp hướng dẫn việc hỗ trợ, tài trợ và quản lý, sử dụng kinh phí hỗ trợ, tài trợ của Quỹ hỗ trợ xây dựng chính sách, pháp luật

Thực hiện Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật; Nghị định số 289/2025/NĐ-CP ngày 06/11/2025 của Chính phủ; ngày 14/8/2026, Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 10/2026/TT-BTP hướng dẫn việc hỗ trợ, tài trợ và quản lý, sử dụng kinh phí hỗ trợ, tài trợ của Quỹ hỗ trợ xây dựng chính sách, pháp luật. Thông tư gồm 05 chương, 27 điều, tập trung quy định quy trình, thủ tục lập và xét duyệt hồ sơ đề xuất hỗ trợ, tài trợ, giao kinh phí hỗ trợ, tài trợ của Quỹ hỗ trợ xây dựng chính sách, pháp luật (Quỹ) từ nguồn ngân sách nhà nước được bố trí thường xuyên và các nguồn tài chính hợp pháp khác ngoài ngân sách nhà nước; nội dung chi, định mức khoán chi và phương thức khoán chi đối với các dự án, nhiệm vụ, hoạt động thuộc phạm vi và đáp ứng điều kiện hỗ trợ, tài trợ của Quỹ; đồng thời, quy định cụ thể nội dung chi, định mức khoán chi, phương thức khoán chi cũng như việc tạm ứng, điều chỉnh kinh phí, nghiệm thu, thanh quyết toán, kiểm tra, giám sát, công khai thông tin và hoàn trả, bồi hoàn kinh phí.

Việc thực hiện kinh phí hỗ trợ, tài trợ của Quỹ phải bảo đảm tuân thủ nguyên tắc quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và quy định tại Thông tư; bảo đảm đúng mục tiêu, phạm vi, đối tượng, điều kiện, nguồn tài chính của Quỹ; công khai, minh bạch, hiệu quả, tiết



QUỸ HỖ TRỢ XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT

kiệm, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, lợi ích nhóm, cục bộ và ngăn chặn mọi biểu hiện trục lợi, hưởng lãi chính sách trong công tác xây dựng chính sách, pháp luật.

Việc xây dựng dự toán, thanh, quyết toán đối với các dự án, nhiệm vụ, hoạt động được hỗ trợ, tài trợ thực hiện theo cơ chế khoán chi trên sản phẩm hoàn thành. Mức kinh phí hỗ trợ, tài trợ phê duyệt được xác định căn cứ vào tính chất, quy mô, khối lượng công việc, yêu cầu về chất lượng sản phẩm, thời gian thực hiện và khả năng nguồn tài chính của Quỹ. Trường hợp dự án, nhiệm vụ, hoạt động có nội dung không áp dụng phương thức khoán chi thì nội dung đó được quản lý, sử dụng, thanh, quyết toán theo dự toán được phê duyệt, chi phí thực tế phát sinh và hóa đơn, chứng từ hợp pháp, hợp lệ theo quy định.

Theo Thông tư, kinh phí hỗ trợ, tài trợ của Quỹ từ các nguồn tài chính

ngoài ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 289/2025/NĐ-CP của Chính phủ được thực hiện bằng hình thức chuyển khoản từ tài khoản của Quỹ mở tại ngân hàng thương mại, trừ trường hợp có thỏa thuận khác của tổ chức, cá nhân hỗ trợ, tài trợ hoặc quy định khác của pháp luật có liên quan. Đối với hỗ trợ bằng hiện vật, việc tiếp nhận, quản lý, sử dụng, hạch toán, công khai và xử lý được thực hiện theo Nghị định số 289/2025/NĐ-CP, pháp luật có liên quan, Điều lệ tổ chức và hoạt động, quy trình nội bộ của Quỹ và thỏa thuận đóng góp hỗ trợ giữa Quỹ với tổ chức, cá nhân hỗ trợ, tài trợ.

Nội dung, định mức khoán chi đối với các nhiệm vụ, hoạt động được Quỹ hỗ trợ, tài trợ gồm: Nghiên cứu, hoạch định chiến lược về xây dựng pháp luật; nghiên cứu chính sách, tham gia xây dựng pháp luật quốc tế; hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực, thuê chuyên gia, tổ chức tư vấn tham gia nghiên cứu, xây dựng chính sách, pháp luật. Bên cạnh đó, Quỹ còn hỗ trợ các hoạt động tổ chức, tham gia hội nghị, hội thảo, diễn đàn pháp lý trong nước và quốc tế; một số hoạt động giám sát thi hành pháp luật, kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật; nhiệm vụ, hoạt động của Ban Chỉ đạo Trung ương về hoàn thiện thể chế và thực thi pháp luật và các nhiệm vụ, hoạt động khác trong xây dựng pháp luật theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền hoặc do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định. Đặc biệt, đối với dự án, nhiệm vụ, hoạt động đã được ngân sách nhà nước cấp kinh phí nhưng cần bổ sung kinh phí, Quỹ chỉ hỗ trợ, tài trợ đối với nội dung cần bổ sung kinh phí nhằm tạo thay đổi đột phá, tích cực, hiệu quả, bền vững về xây dựng pháp luật. Mức kinh phí bổ sung được

xác định trên cơ sở phần kinh phí đã được ngân sách nhà nước hoặc nguồn hợp pháp khác bố trí, khối lượng công việc đã hoàn thành tương ứng với phần kinh phí đã được bố trí.

Thông tư quy định cụ thể quy trình từ lập hồ sơ đề xuất hỗ trợ, tài trợ đến đánh giá, xét duyệt và giao kinh phí hỗ trợ, tài trợ. Trong đó, bản thuyết minh về dự án, nhiệm vụ, hoạt động đề xuất hỗ trợ, tài trợ ngoài các nội dung theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 289/2025/NĐ-CP phải thể hiện rõ sự cần thiết, phạm vi, nội dung công việc, sản phẩm hoàn thành, tiến độ và phương án tổ chức thực hiện; dự toán kinh phí đề nghị hỗ trợ, tài trợ; cam kết về tính trung thực của hồ sơ, không trùng lặp nguồn kinh phí, bảo vệ bí mật nhà nước, phòng ngừa xung đột lợi ích và tuân thủ chế độ báo cáo, nghiệm thu, thanh, quyết toán và hoàn trả, bồi hoàn kinh phí theo quy định.

Dự toán kinh phí hỗ trợ, tài trợ phải chi tiết theo các nội dung: Tên nội dung chi, đơn vị tính, số lượng, định mức khoán chi, thành tiền, căn cứ pháp lý áp dụng và nguồn kinh phí khác tham gia thực hiện (nếu có). Các nội dung không áp dụng phương thức khoán chi theo quy định tại Thông tư, dự toán phải thể hiện rõ khối lượng dự kiến, đơn giá, chi phí thực tế thị trường và căn cứ lập dự toán.

Việc xét duyệt dự toán kinh phí hỗ trợ, tài trợ được xem xét, đánh giá theo 05 nội dung: (i) Sự cần thiết, tính hợp lý, hợp lệ của từng nội dung chi; (ii) Sự phù hợp của định mức khoán chi, tổng mức kinh phí với khối lượng công việc, yêu cầu chuyên môn, sản phẩm hoàn thành, tiến độ thực hiện; (iii) Sự phù hợp của phương thức tạm ứng, thanh, quyết toán với tính chất dự án, nhiệm vụ, hoạt động và khả năng kiểm soát rủi ro của Quỹ;

(iv) Khả năng nguồn tài chính của Quỹ tại thời điểm xem xét hỗ trợ, tài trợ; (v) Sự phù hợp của nội dung đề xuất bổ sung kinh phí đối với dự án, nhiệm vụ, hoạt động đã được ngân sách nhà nước cấp kinh phí theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Thông tư. Quỹ được thuê chuyên gia, tổ chức tư vấn đánh giá, tư vấn độc lập để phục vụ việc đánh giá, xét duyệt hồ sơ và dự toán kinh phí trong trường hợp hồ sơ đề xuất hỗ trợ, tài trợ hoặc dự toán kinh phí hỗ trợ, tài trợ có quy mô lớn, tính chất phức tạp hoặc có nội dung chuyên môn đặc thù.

Việc tạm ứng kinh phí hỗ trợ, tài trợ được thực hiện một lần trong trường hợp cần thiết để triển khai dự án, nhiệm vụ, hoạt động đã được phê duyệt và phải được quy định cụ thể trong quyết định hỗ trợ, tài trợ và hợp đồng hỗ trợ, tài trợ. Mức tạm ứng không quá 30% tổng mức kinh phí hỗ trợ, tài trợ được phê duyệt. Trường hợp dự án, nhiệm vụ, hoạt động có tính cấp bách, phức tạp, cần huy động chuyên gia, tổ chức tư vấn, đơn vị cung cấp dịch vụ để bảo đảm tiến độ, mức tạm ứng có thể cao hơn nhưng không quá 50% tổng mức kinh phí hỗ trợ, tài trợ được phê duyệt. Thời hạn tạm ứng được xác định cụ thể trong quyết định hỗ trợ, tài trợ và hợp đồng hỗ trợ, tài trợ, phù hợp với kế hoạch triển khai, kế hoạch sử dụng kinh phí tạm ứng, tiến độ thực hiện và thời điểm nghiệm thu sản phẩm, kết quả tương ứng với khoản tạm ứng.

Trong quá trình thực hiện dự án, nhiệm vụ, hoạt động được Quỹ hỗ trợ, tài trợ, chủ thể nhận hỗ trợ, tài trợ được chủ động điều chỉnh dự toán trong phạm vi nhất định, tạo điều kiện xử lý linh hoạt những vấn đề phát sinh trong thực tiễn, đồng thời bảo đảm không làm ảnh hưởng đến mục tiêu, phạm

vi và kết quả đã được phê duyệt. Theo đó, việc điều chỉnh dự toán được thực hiện khi không làm tăng tổng mức kinh phí hỗ trợ, tài trợ đã được xét duyệt; không làm thay đổi mục tiêu, phạm vi, sản phẩm hoàn thành, tiến độ chủ yếu và phương thức chi đã được phê duyệt; không phát sinh nội dung chi ngoài phạm vi được Quỹ hỗ trợ, tài trợ. Việc điều chỉnh cũng không được vượt định mức khoán chi hoặc chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi hiện hành; đồng thời, phải bảo đảm không phát sinh tình trạng trùng lặp nguồn kinh phí, xung đột lợi ích hoặc trực lợi chính sách.

Thông tư quy định, trường hợp việc điều chỉnh làm tăng tổng mức kinh phí hỗ trợ, tài trợ đã được xét duyệt, Quỹ chỉ xem xét điều chỉnh khi thuộc một trong các trường hợp sau: (i) Chính sách, chế độ hoặc định mức chi của Nhà nước có sự thay đổi, làm ảnh hưởng trực tiếp đến mục tiêu, phạm vi, sản phẩm hoàn thành của dự án, nhiệm vụ, hoạt động đã được Quỹ phê duyệt hỗ trợ, tài trợ; (ii) Khối lượng công việc hoặc nội dung công việc được điều chỉnh theo yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định tại Nghị định số 289/2025/NĐ-CP mà việc điều chỉnh này bắt buộc phải tăng tổng mức kinh phí hỗ trợ, tài trợ đã được xét duyệt để đáp ứng mục tiêu, phạm vi, sản phẩm hoàn thành của dự án, nhiệm vụ, hoạt động đã được Quỹ phê duyệt hỗ trợ, tài trợ; (iii) Xảy ra sự kiện bất khả kháng hoặc nguyên nhân khách quan khác mà chủ thể nhận hỗ trợ, tài trợ không thể lường trước và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng các biện pháp cần thiết, hợp lý, làm ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện dự án, nhiệm vụ, hoạt động đã được Quỹ phê duyệt hỗ trợ, tài trợ. □

Phạm Văn Chung

MỘT SỐ NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG của Luật Tiếp công dân, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiếp công dân, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo số 136/2025/QH15 đã được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 10 ngày 10/12/2025, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2026. Việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiếp công dân, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo để bảo đảm thể chế hóa kịp thời, có hiệu quả chủ trương về sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp; sắp xếp hệ thống cơ quan thanh tra tỉnh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; khắc phục những hạn chế, bất cập của các luật hiện hành này, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn. Trong đó tập trung một số nội dung chính sau:



1. Đối với Luật sửa đổi, bổ sung Luật Tiếp công dân

- Về hình thức tiếp công dân: Nhằm thể chế hóa Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 và Kết luận số 107-KL/TW ngày 24/12/2024 của Bộ Chính trị, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi hơn cho cơ quan, tổ chức, cá nhân khi thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo của mình, nhất là trường hợp ở xa, đi lại khó khăn, Luật bổ sung quy định về hình thức tiếp công dân trực tuyến (Điều 3a), Chính phủ quy định việc tiếp công dân trực tuyến tại Nghị định số 154/2026/NĐ-CP.

- Về tiếp công dân ở cấp xã: Bổ sung một số nhiệm vụ của Chủ tịch UBND cấp xã (Điều 15) như: quyết định bố trí địa điểm tiếp công dân ngoài Trụ sở UBND cấp xã; ban hành quy chế tiếp công dân; giao đơn vị phù hợp tham mưu

tiếp công dân; quy định Chủ tịch UBND cấp xã trực tiếp tiếp công dân định kỳ tại địa điểm tiếp công dân ít nhất 02 ngày trong 01 tháng. Quy định này bảo đảm đồng bộ với quy định về tiếp công dân của người đứng đầu cấp ủy tại Quy định số 11-QĐi/TW của Bộ Chính trị và phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền cấp xã hiện nay (Chủ tịch UBND cấp xã được Luật giao thực hiện nhiều nhiệm vụ; cấp xã hiện nay có cán bộ tiếp công dân thường xuyên; khi cần thiết, Chủ tịch UBND cấp xã có thể tiếp công dân đột xuất để kịp thời tiếp nhận, chỉ đạo giải quyết khiếu nại, tố cáo).

- Về tiếp công dân tại cơ quan hành chính nhà nước: Luật bổ sung quy định: Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam giao cơ quan thanh tra bố trí công chức làm công tác tiếp

công dân; Bộ không có Thanh tra Bộ giao đơn vị phù hợp bố trí công chức làm công tác tiếp công dân; cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh giao đơn vị phù hợp trực thuộc bố trí công chức làm công tác tiếp công dân (khoản 1, khoản 2 Điều 16).

Luật cũng bổ sung quy định các cơ quan phối hợp tiếp công dân đã tham gia tiếp công dân thường xuyên tại Trụ sở tiếp công dân ở trung ương, Trụ sở tiếp công dân cấp tỉnh thì không bố trí tiếp công dân thường xuyên tại cơ quan mình (khoản 3 Điều 16).

- *Về quyền và nghĩa vụ của người đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh:* Để bảo đảm phù hợp thực tế và tránh trường hợp mạo danh, lợi dụng, Luật sửa đổi, hoàn thiện quy định người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh khi đến nơi tiếp công dân có nghĩa vụ “nêu rõ họ tên, địa chỉ, số căn cước, giấy chứng nhận căn cước hoặc sổ định danh hoặc sổ hộ chiếu; trường hợp được người khiếu nại ủy quyền thì phải có giấy ủy quyền” (điểm a khoản 2 Điều 7).

- *Liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Ban tiếp công dân ở mỗi cấp:* Luật sửa đổi, hoàn thiện quy định việc hướng dẫn hoặc chuyển đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh đã được tiếp nhận nhưng không thuộc phạm vi, trách nhiệm xử lý của cơ quan, tổ chức tham gia tiếp công dân thường xuyên tại Trụ sở tiếp công dân nhằm bảo đảm tính chính xác của quy phạm có liên quan (điểm c khoản 3 Điều 10).

- *Về tiếp công dân của HĐND, đại biểu HĐND các cấp:* Luật sửa đổi, hoàn thiện quy định về địa điểm tiếp công dân của đại biểu HĐND cấp xã tại khoản 1 Điều 22 để đồng bộ với quy định tại Điều 15, theo đó, đại biểu HĐND cấp xã

thực hiện việc tiếp công dân tại địa điểm tiếp công dân cấp xã; sửa đổi quy định trách nhiệm của Thường trực HĐND cấp tỉnh, cấp xã trong việc tổ chức công tác tiếp công dân của HĐND, đại biểu HĐND cấp mình và trực tiếp tiếp công dân thuộc trách nhiệm của HĐND cùng cấp tại khoản 2 Điều 22.

- *Về việc phân loại, chuyển nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh đến cơ quan, người có thẩm quyền thụ lý, giải quyết:* Luật sửa đổi, hoàn thiện quy định trường hợp khiếu nại, tố cáo không thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình thì hướng dẫn hoặc chuyển đơn đến cơ quan, tổ chức, đơn vị, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo (điểm b khoản 1 Điều 26).

- *Về điều kiện bảo đảm cho hoạt động tiếp công dân:* Luật sửa đổi, hoàn thiện quy định về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo để phục vụ công tác tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo (khoản 1 Điều 33).

2. Đối với Luật sửa đổi, bổ sung Luật Khiếu nại

- *Về chủ thể khiếu nại:* Khoản 1 Điều 30 của Hiến pháp năm 2013 (sửa đổi năm 2025) quy định “Mọi người có quyền khiếu nại, tố cáo với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền về những việc làm trái pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân”. Do đó, Luật sửa đổi quy định về chủ thể thực hiện quyền khiếu nại từ “công dân” thành “cá nhân” (khoản 1, khoản 2 Điều 2), đồng thời sửa đổi người có quyền, lợi ích hợp pháp do hành vi vi phạm pháp luật về khiếu nại gây thiệt hại từ “công dân” thành “cá nhân” tại khoản 2 Điều 24.

- *Về tạm đình chỉ, đình chỉ giải quyết khiếu nại:* Trong thực tiễn, việc giải quyết khiếu nại có thể phải tạm dừng hoặc chấm dứt do các tình huống phát sinh như: *sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan mà người khiếu nại không thể tiếp tục tham gia quá trình giải quyết khiếu nại; cần chờ kết quả giải quyết của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền về vấn đề có liên quan trực tiếp đến nội dung khiếu nại; người khiếu nại rút toàn bộ khiếu nại; người khiếu nại chết mà quyền và nghĩa vụ liên quan đến nội dung khiếu nại không được thừa kế hoặc cơ quan, tổ chức khiếu nại giải thể, phá sản hoặc kết thúc hoạt động mà quyền và nghĩa vụ liên quan đến nội dung khiếu nại không được kế thừa; vụ việc không còn đối tượng hoặc nội dung để giải quyết; vụ việc đã được Tòa án thụ lý hoặc giải quyết bằng bản án, quyết định có hiệu lực.* Do đó, Luật bổ sung Điều 11a quy định các trường hợp tạm đình chỉ, đình chỉ giải quyết khiếu nại. Việc tạm đình chỉ, đình chỉ được thực hiện bằng quyết định của người có thẩm quyền, nêu rõ lý do và căn cứ pháp luật, gửi cho người khiếu nại, người bị khiếu nại và cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan. Khi căn cứ tạm đình chỉ không còn thì người giải quyết khiếu nại tiếp tục giải quyết khiếu nại và thông báo cho các bên liên quan; thời gian tạm đình chỉ không tính vào thời hạn giải quyết khiếu nại.

Để thống nhất với việc bổ sung thẩm quyền tạm đình chỉ, đình chỉ giải quyết khiếu nại của người giải quyết khiếu nại tại Điều 11a, Luật bổ sung quyền của người khiếu nại được nhận quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ giải quyết khiếu nại (điểm h khoản 1 Điều 12) để đảm bảo chặt chẽ và bảo vệ quyền của người khiếu nại.

- *Bổ sung quy định:* Người khiếu nại **có thể rút một phần** nội dung khiếu nại; người khiếu nại có thể rút khiếu nại bằng biên bản ghi nhận ý kiến rút khiếu nại của người khiếu nại khi làm việc với người giải quyết khiếu nại hoặc người xác minh nội dung khiếu nại (khoản 1 Điều 10). Trường hợp người khiếu nại rút một phần nội dung khiếu nại thì nội dung khiếu nại còn lại được tiếp tục giải quyết theo quy định (khoản 2 Điều 10). Nội dung khiếu nại đã rút sẽ không được xem xét, giải quyết lại, trừ trường hợp có căn cứ xác định người khiếu nại rút khiếu nại là do bị ép buộc, đe dọa (khoản 3 Điều 10). Đồng bộ với quy định về rút khiếu nại đã được sửa đổi tại Điều 10, Luật đã sửa đổi nội dung giải thích từ ngữ đối với cụm từ “Rút khiếu nại” tại khoản 3 Điều 2. Theo đó, rút khiếu nại là việc người khiếu nại đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền chấm dứt một phần hoặc toàn bộ nội dung khiếu nại của mình.

- *Luật bổ sung quyền của người giải quyết khiếu nại lần hai:* Được tham khảo ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân có chuyên môn phù hợp khi thấy cần thiết (điểm đ khoản 1 Điều 15) ngoài việc tham khảo ý kiến của Hội đồng tư vấn để đảm bảo tính chính xác trong việc giải quyết khiếu nại.

- *Về thẩm quyền giải quyết khiếu nại:* Luật sửa đổi, hoàn thiện thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã giải quyết khiếu nại lần đầu đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của mình, của người đứng đầu cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc UBND cấp xã, của công chức, viên chức do mình quản lý trực tiếp (Điều 17); sửa đổi, hoàn thiện thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh giải quyết khiếu nại

lần hai đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch UBND cấp xã, Thủ trưởng cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc UBND cấp tỉnh đã giải quyết lần đầu nhưng còn khiếu nại hoặc khiếu nại lần đầu đã hết thời hạn nhưng chưa được giải quyết (khoản 2 Điều 21).

- Về đối thoại trong giải quyết khiếu nại: Trong thực tế, có trường hợp người khiếu nại không tham gia đối thoại khi được mời. Điều này gây khó khăn cho việc giải quyết khiếu nại và không có cơ sở pháp lý để tiếp tục giải quyết hay tạm dừng việc giải quyết. Do vậy, Luật bổ sung quy định trường hợp người khiếu nại được mời nhưng không tham gia đối thoại mà không có lý do chính đáng thì người giải quyết khiếu nại vẫn tiếp tục giải quyết khiếu nại (khoản 6 Điều 30). Chính phủ quy định chi tiết quy định này tại Nghị định số 155/2026/NĐ-CP.

- Về đơn vị được giao tham mưu giải quyết khiếu nại, giúp Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp quản lý công tác giải quyết khiếu nại: Luật bổ sung trách nhiệm của Thủ trưởng đơn vị được giao tham mưu giải quyết khiếu nại tại các cơ quan quản lý nhà nước không có cơ quan thanh tra (Điều 25); sửa đổi, hoàn thiện quy định các Bộ, cơ quan ngang Bộ không có Thanh tra Bộ, cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, UBND cấp xã thì đơn vị được giao tham mưu giải quyết khiếu nại giúp Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp quản lý công tác giải quyết khiếu nại (khoản 3 Điều 63).

- Luật sửa đổi, hoàn thiện quy định trường hợp khiếu nại lần hai thì người khiếu nại gửi kèm theo quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu (nếu có) tại khoản 1 Điều 33; bổ sung quy định trong

quyết định giải quyết khiếu nại lần hai có nội dung kết quả giải quyết khiếu nại lần đầu (điểm c khoản 1 Điều 56).

- Luật đã chỉnh sửa, hoàn thiện quy định về việc tiếp nhiều người cùng khiếu nại về một nội dung được thực hiện theo quy định tại Luật Tiếp công dân. Lược bỏ quy định về hành vi bị nghiêm cấm trong giải quyết khiếu nại là vi phạm quy chế tiếp công dân do nội dung này đã được quy định trong Luật Tiếp công dân và không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Khiếu nại.

3. Đối với Luật sửa đổi, bổ sung Luật Tố cáo

- Luật bổ sung quy định về nguyên tắc xác định thẩm quyền giải quyết tố cáo trong một số trường hợp mà Luật Tố cáo chưa điều chỉnh: Theo đó, Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch UBND cấp tỉnh xác định thẩm quyền giải quyết tố cáo đối với cơ quan, tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức tại thời điểm có hành vi vi phạm thuộc thẩm quyền quản lý của mình mà không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều 12 (khoản 7 Điều 12);

- Luật sửa đổi, hoàn thiện thẩm quyền giải quyết tố cáo của Chủ tịch UBND cấp xã giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp xã, cán bộ, công chức, viên chức do mình quản lý trực tiếp; giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của cơ quan, tổ chức do UBND cấp xã quản lý trực tiếp (khoản 1 Điều 13); sửa đổi, hoàn thiện quy định về thẩm quyền giải quyết tố cáo tại khoản 3 Điều 13 là của Người đứng đầu cơ quan chuyên

môn, tổ chức hành chính khác thuộc UBND cấp tỉnh; sửa đổi, hoàn thiện quy định về thẩm quyền giải quyết tố cáo của Chủ tịch UBND cấp tỉnh giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND cấp xã, người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc UBND cấp tỉnh, công chức do mình bổ nhiệm, quản lý trực tiếp (điểm a khoản 4 Điều 13).

- Sửa đổi, hoàn thiện quy định về thẩm quyền giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ trong Viện kiểm sát nhân dân của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao (Điều 15).

- Để đảm bảo phù hợp, khả thi trong giải quyết tố cáo thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ, Luật bổ sung quy định “Căn cứ vào từng vụ việc cụ thể, Thủ tướng Chính phủ ủy quyền cho Tổng Thanh tra Chính phủ thụ lý tố cáo sau khi kiểm tra thấy đủ điều kiện thụ lý tố cáo; kết luận nội dung tố cáo và thông báo kết luận nội dung tố cáo sau khi Thủ tướng Chính phủ xem xét, cho ý kiến đối với báo cáo của Tổng Thanh tra Chính phủ về kết quả xác

minh nội dung tố cáo.” (điểm c khoản 8 Điều 13).

- Luật bổ sung trách nhiệm của Thủ tướng đơn vị được giao tham mưu giải quyết tố cáo tại các cơ quan quản lý nhà nước không có cơ quan thanh tra; bổ sung quy định Tổng Thanh tra Chính phủ thực hiện các nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ ủy quyền nhằm đồng bộ với việc bổ sung quy định về ủy quyền Thủ tướng Chính phủ trong giải quyết tố cáo (điểm b khoản 2 Điều 32); bổ sung quy định giao đơn vị tham mưu giải quyết tố cáo theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kết luận nội dung tố cáo (khoản 3 Điều 44).

- Để thể chế hóa và đồng bộ với Quy định số 231-QĐ/TW và pháp luật có liên quan, Luật bổ sung trường hợp chấm dứt bảo vệ khi người được bảo vệ cố ý không thực hiện nghĩa vụ quy định tại điểm a hoặc điểm b khoản 2 Điều 48 của Luật Tố cáo (điểm c khoản 2 Điều 54).

- *Luật sửa đổi, hoàn thiện quy định về rút tố cáo:* Việc rút tố cáo được thực hiện bằng đơn rút tố cáo hoặc biên bản ghi nhận ý kiến rút tố cáo của người tố cáo khi làm việc với người giải quyết tố cáo hoặc người xác minh nội dung tố cáo (khoản 1 Điều 33).

- Luật bãi bỏ quy định liên quan về thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân của cấp huyện. □

THANH NGỌC

Danh nhân văn hóa Lê Quý Đôn

Lê Quý Đôn, tên lúc nhỏ là Lê Danh Phương, sinh ra trong gia đình khoa bảng tại làng Diên Hà, huyện Diên Hà, trấn Sơn Nam (nay là xã Lê Quý Đôn, tỉnh Hưng Yên). Cha ông và cha vợ đều là Tiến sĩ, làm quan trong triều. Từ nhỏ, Lê Quý Đôn đã được gọi là “thần đồng”, nổi tiếng thông minh, có trí nhớ tuyệt vời lại ham học hỏi; năm 5 tuổi đã có thể đọc nhiều bài thơ trong Kinh Thi. Năm 12 tuổi, Lê Quý Đôn đã thông thạo kinh điển Nho học; năm 17 tuổi, đỗ đầu kỳ thi Hương; năm 24 tuổi, đỗ đầu kỳ thi Hội; năm 26 tuổi, đỗ đầu kỳ thi Đình.

Sau khi đỗ Bảng nhãn, từ năm 1752 Lê Quý Đôn bắt đầu bước vào sự nghiệp quan trường và giữ nhiều chức vụ quan trọng của Triều Lê - Trịnh, như: Hàn lâm viện thừa chỉ sung Toàn tu Quốc sử quán (1754); Hàn lâm viện thị giảng (1757); năm 1760 và 1762 được cử đi sứ sang nhà Thanh; Đốc đồng xứ Kinh Bắc (1764); Thị thư kiêm Tư nghiệp Quốc Tử giám (1767); Tán lý quân vụ, Thị phó đô ngự sử (1768); Công bộ hữu thị lang (1769); Bồi tụng (1773); Lại bộ tả thị lang kiêm Tổng tài Quốc sử quán (1775); Hiệp trấn tham tán quân cơ Trấn phủ Thuận Hóa (1776); Hiệp trấn Nghệ An (1783); Công bộ thượng thư (1784)...

Trong bối cảnh chính trị - xã hội Đại Việt thế kỷ XVIII nhiều bất ổn, các cuộc tranh đoạt quyền lực giữa các thế lực cầm quyền vẫn diễn ra ở cả Đàng Trong và Đàng Ngoài, đời sống người dân điều



đứng, mâu thuẫn giữa Nhân dân và tầng lớp cầm quyền ngày càng nặng nề, các cuộc khởi nghĩa nổ ra liên tục...; với hoài bão kinh bang tế thế, Lê Quý Đôn luôn mong muốn thi hành những cải cách, thiết định những pháp chế nhằm lập lại trật tự để đất nước ổn định, thịnh trị, Nhân dân được vui hưởng thái bình. Do vậy, dù ở vị trí nào Ông cũng thể hiện là một vị quan tài năng, mẫn cán, thanh liêm, luôn gần gũi Nhân dân, luôn muốn cải thiện và đem lại cuộc sống ấm no hơn cho người dân bằng những hành động thiết thực. Năm 1784, ông lâm bệnh nặng, xin về quê ngoại Duy Tiên, Hà Nam (nay là tỉnh Ninh Bình)

an dưỡng và qua đời sau đó không lâu; Vua cho bãi triều ba ngày để tang ông.

Lê Quý Đôn là người yêu nước, thương dân, nhà bác học lớn, một bậc đại khoa, đại trí, đại tài, có nhiều đóng góp quan trọng trên các lĩnh vực tư tưởng, triết học, văn hóa, giáo dục, khoa học... và hoạt động thực tiễn. Với học vấn uyên thâm, khối lượng trước tác đồ sộ và tầm nhìn vượt trước thời đại, ông đã để lại dấu ấn sâu đậm trong tiến trình lịch sử dân tộc.

Các công trình tiêu biểu của ông về **lịch sử, địa lý** (*Đại Việt thông sử* (Lê triều thông sử), 30 quyển; *Phủ biên tạp lục*, 6 quyển; *Bắc sử thông lục*, 4 quyển; *Kiến văn tiểu lục*, 12 quyển); về **khảo cứu, diễn nghĩa, chú giải, bàn giảng các kinh điển, cổ thư** (*Âm chất văn chú*, 2 quyển; *Tứ thư ước giải* (*Tứ thư giải thích*), 5 quyển; *Quần thư khảo biện*, 4 quyển; *Thánh mô hiền phạm lục*, 12 quyển; *Vân đài loại ngữ*, 4 quyển; *Thư kinh diễn nghĩa*, 3 quyển); về **sưu tập thi ca** (*Toàn Việt thi lục*, 20 quyển; *Hoàng Việt văn hải*, 10 quyển); về **thơ văn sáng tác** (*Quế Đường thi tập*, tổng tập thơ gồm 550 bài thơ chữ Hán; Văn thơ viết bằng chữ Nôm: Lê Quý Đôn tiên phong sử dụng chữ Nôm trong văn bản hành chính, trở thành một trong những người viết ký bằng văn xuôi Nôm sớm nhất của Đại Việt qua bài *Khải* được lưu lại trong cuốn *Bắc sử thông lục*; Bài *Rắn đầu biếng học*, thể thơ “thất ngôn bát cú”; Bài *Mẹ ơi con muốn lấy chồng*, thể văn “kinh nghĩa” dùng trong thi cử; Bài *Mẹ khuyên con lúc về nhà chồng*, thể văn “kinh nghĩa”; Bài *Lấy chồng cho đáng tấm chồng*, thể “văn sách” dùng trong thi cử).

Một tấm lòng đau đáu vì nước, vì dân

Cả cuộc đời học hành và làm quan,

Lê Quý Đôn luôn thể hiện sâu sắc lòng yêu nước, thương dân và ý thức trách nhiệm đối với vận mệnh quốc gia, dân tộc. Với Ông, việc học tập, nghiên cứu, làm quan hay các trước tác đều không nhằm mưu cầu danh lợi cá nhân mà trước hết để góp phần xây dựng đất nước, chăm lo đời sống Nhân dân và vì sự hưng thịnh lâu dài của quốc gia.

Đảm nhiệm nhiều cương vị khác nhau trong triều đình, đi công cán ở nhiều nơi, Lê Quý Đôn luôn quan tâm đến các vấn đề dân sinh, kinh tế, giáo dục, quản lý xã hội và bảo vệ chủ quyền đất nước bởi ông luôn quan niệm, sự thịnh suy của đất nước gắn liền với đời sống của Nhân dân. Những khảo cứu, kiến nghị và đề xuất của ông đều hướng tới mục tiêu phát triển sản xuất, ổn định đời sống Nhân dân, khai thác hiệu quả tiềm năng của đất nước và tăng cường sức mạnh quốc gia. Ông luôn đề cao trách nhiệm của người làm quan, cho rằng người làm quan không chỉ bàn việc triều chính mà phải trực tiếp chăm lo đời sống của Nhân dân, đem hết tâm lực thực hiện chức trách được giao. Tinh thần “dĩ công vi thượng”, lấy lợi ích của quốc gia và Nhân dân làm mục tiêu phụng sự đã trở thành nguyên tắc xuyên suốt trong cuộc đời và sự nghiệp của ông.

Nhà tư tưởng lớn

Lê Quý Đôn không chỉ uyên bác trong học thuật mà quan điểm, luận giải của ông trên các lĩnh vực đã phản ánh trình độ tư duy vượt trước thời đại. Ông có một hệ thống tư tưởng sâu sắc, là một trong những nhà tư tưởng tiêu biểu của Việt Nam thế kỷ XVIII.

Về triết học, Lê Quý Đôn có những đóng góp quan trọng trong việc lý giải thế giới và quy luật vận động của tự nhiên, xã hội. Từ quan niệm Lý - Khí,

ông khẳng định sự vận động không ngừng là điều kiện tồn tại và phát triển của vạn vật. Những luận giải trong *Vân đài loại ngữ* thể hiện tư duy quan sát thực tiễn, phân tích và nhận thức sâu sắc về sự vận động của tự nhiên, xã hội, đánh dấu bước phát triển mới của tư tưởng triết học Việt Nam đương thời.

Về chính trị - xã hội, Lê Quý Đôn luôn khẳng định Đại Việt là một quốc gia độc lập, có chủ quyền, có lịch sử lâu đời và nền văn hiến đặc sắc. Ông đề cao lòng tự hào, tự tôn dân tộc, ý thức tự cường và trách nhiệm gìn giữ các giá trị văn hóa truyền thống, là tư tưởng nhất quán, xuyên suốt trong nhiều trước tác của ông.

Ông cũng luôn đề cao vai trò của Nhân dân, coi “dân là gốc của nước”, nhấn mạnh trách nhiệm của người cầm quyền đối với đời sống Nhân dân và sự hưng vong của quốc gia. Ông chủ trương kết hợp đức trị với pháp trị, đề cao sự công minh, trách nhiệm và tính nêu gương của đội ngũ quan lại. Những quan điểm đó thể hiện tư duy tiến bộ, góp phần làm phong phú tư tưởng chính trị Việt Nam thế kỷ XVIII.

Nhà bác học lớn, nhà nghiên cứu đa ngành

Với khối lượng trước tác đồ sộ và phạm vi nghiên cứu trải rộng trên nhiều lĩnh vực như triết học, lịch sử, địa lý, văn học, giáo dục, kinh tế, xã hội, nghệ thuật, nông nghiệp, thiên văn, lịch pháp, y học... Lê Quý Đôn được xem là hình mẫu tiêu biểu của một nhà bác học bách khoa.

Đóng góp nổi bật của Lê Quý Đôn là khả năng hệ thống hóa, tổng kết và phát triển tri thức của thời đại. Các công trình như *Vân đài loại ngữ*, *Kiến văn tiểu lục*, *Quần thư khảo biện*, *Phủ biên tạp lục* không chỉ phản ánh vốn hiểu biết uyên

thâm mà còn thể hiện năng lực tư duy tổng hợp, phân tích và khái quát khoa học xuất sắc. Đặc biệt, *Vân đài loại ngữ* được đánh giá là bộ bách khoa thư tiêu biểu của Việt Nam thời phong kiến.

Một giá trị nổi bật khác là phương pháp nghiên cứu khoa học nghiêm cẩn. Lê Quý Đôn luôn kết hợp giữa khảo sát thực tiễn, thu thập tư liệu, đối chiếu nguồn sử liệu và kiểm chứng thông tin trước khi đưa ra nhận định. Tư duy thực chứng ấy đã góp phần nâng cao chất lượng học thuật trong các công trình nghiên cứu của ông.

Không dừng lại ở việc kế thừa tri thức truyền thống, Lê Quý Đôn còn thể hiện tinh thần học thuật cởi mở khi tiếp thu có chọn lọc những thành tựu tri thức của thời đại, đặc biệt trong các lĩnh vực thiên văn, địa lý, lịch pháp. Việc tiếp thu, giới thiệu những tri thức mới về thế giới tự nhiên cho thấy tầm nhìn rộng mở và khả năng tiếp biến sáng tạo của ông. Bằng tri thức bách khoa, phương pháp nghiên cứu khoa học và tinh thần học hỏi không ngừng, Lê Quý Đôn đã trở thành một đỉnh cao của nền học thuật Việt Nam, có ảnh hưởng sâu rộng đối với nhiều lĩnh vực khoa học và giáo dục nước nhà.

Nhà giáo dục, người đề cao thực học và trọng dụng hiền tài

Lê Quý Đôn chủ trương giáo dục phải hướng tới sự phát triển toàn diện con người, kết hợp giữa tri thức, đạo đức, nhân cách và năng lực thực hành. Theo ông, học không chỉ để thi cử hay cầu danh mà trước hết là để hoàn thiện bản thân, phụng sự và đóng góp cho sự hưng thịnh của đất nước. Ông đặc biệt phê phán lối học hư văn, giáo điều, xa rời thực tiễn; đồng thời, đề cao thực học, thực hành và khả năng vận dụng tri thức vào cuộc

sống. Những quan niệm như “đọc sách một thước không bằng làm được một tắt” hay “đọc được một chữ đem áp dụng một chữ” thể hiện rõ tư tưởng học đi đôi với hành, coi hiệu quả thực tiễn là thước đo giá trị của việc học.

Ông cũng nhấn mạnh vai trò của tự học, học tập suốt đời và tinh thần cầu thị trong tiếp nhận tri thức. Bản thân ông là tấm gương tiêu biểu về ý chí học tập bền bỉ, lao động khoa học nghiêm túc và khát vọng khám phá tri thức không ngừng nghỉ. Đặc biệt, ông rất coi trọng việc phát hiện, bồi dưỡng và sử dụng nhân tài bởi theo ông, sự hưng thịnh của quốc gia gắn liền với việc trọng dụng người có đức, có tài và có khả năng cống hiến cho xã hội. Những tư tưởng đó vẫn còn nguyên giá trị đối với sự nghiệp giáo dục và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao của đất nước hiện nay.

Nhà văn hóa lớn, người gìn giữ và phát huy nền văn hiến dân tộc

Một trong những cống hiến nổi bật của Lê Quý Đôn là sưu tầm, khảo cứu, hệ thống hóa và lưu truyền kho tàng tri thức, văn hóa của dân tộc. Ông đã dành nhiều tâm huyết ghi chép, đối chiếu và tổng kết các nguồn tư liệu, qua đó lưu giữ nhiều di sản quý báu của đất nước. Thông qua các công trình, ông đã để lại một khối lượng lớn tư liệu về lịch sử, địa lý, văn học, phong tục, tập quán, sản vật, đời sống xã hội Việt Nam... Nhiều tư liệu có giá trị về lịch sử và văn hóa dân tộc được bảo tồn và truyền lại cho hậu thế thông qua các công trình khảo cứu của ông.

Qua các trước tác của mình, Lê Quý Đôn luôn đề cao truyền thống lịch sử lâu đời, bản lĩnh tự chủ và những giá trị văn hóa đặc sắc của dân tộc. Di sản học thuật

của ông góp phần làm sâu sắc nhận thức về nền văn hiến Đại Việt, bồi đắp ý thức trân trọng, gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc qua nhiều thế hệ.

Sứ thần tiêu biểu của Đại Việt

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ đi sứ, Lê Quý Đôn không chỉ hoàn thành trọng trách ngoại giao mà còn tranh thủ tìm hiểu, khảo cứu và tiếp thu những thành tựu mới về học thuật, khoa học và văn hóa của thời đại. Những ghi chép trong *Bắc sứ thông lục* phản ánh tầm nhìn rộng mở, khả năng quan sát sắc sảo và tinh thần học hỏi không ngừng của một học giả lớn. Với vốn học vấn uyên thâm, khả năng ứng đối xuất sắc và tầm hiểu biết sâu rộng về lịch sử, văn hóa, chính trị, hoạt động ngoại giao của Lê Quý Đôn không chỉ góp phần tăng cường quan hệ bang giao của đất nước mà còn mở rộng không gian giao lưu học thuật, văn hóa giữa Đại Việt với các nước trong khu vực, góp phần nâng cao vị thế của đất nước.

Điều nổi bật ở Lê Quý Đôn là sự kết hợp hài hòa giữa tinh thần tự hào, tự tôn dân tộc và tư duy cởi mở trong giao lưu văn hóa; chủ động tiếp thu có chọn lọc những giá trị tiến bộ của thời đại để làm giàu cho tri thức và văn hóa dân tộc.

Ghi nhận, tôn vinh những công lao, đóng góp, cống hiến của Lê Quý Đôn cho nền văn hóa Việt Nam và thế giới, tại phiên họp Đại Hội đồng Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hiệp quốc (UNESCO) lần thứ 43 diễn ra vào ngày 31/10/2025 tại Samarkand, Cộng hòa Uzbekistan đã thông qua Nghị quyết vinh danh và cùng tham gia kỷ niệm 300 năm Ngày sinh danh nhân văn hóa Lê Quý Đôn.

Kỷ niệm 300 năm Ngày sinh danh nhân văn hóa Lê Quý Đôn không chỉ là

dịp tôn vinh và tri ân những cống hiến to lớn của ông đối với lịch sử dân tộc mà còn là dịp để nhìn nhận sâu sắc hơn những giá trị đã góp phần làm nên bản lĩnh và trí tuệ Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử. Cuộc đời, sự nghiệp và di sản của danh nhân văn hóa Lê Quý Đôn là minh chứng sinh động cho tinh thần yêu nước, ý chí tự lực, tự cường, khát vọng học tập, sáng tạo và cống hiến không ngừng vì sự hưng thịnh của quốc gia, dân tộc. Việc tiếp tục nghiên cứu, bảo tồn và phát huy những giá trị đó không chỉ góp phần làm giàu thêm nền tảng văn hóa, tri thức và sức mạnh con người Việt Nam mà còn khơi dậy động lực quan trọng cho sự phát triển của đất nước, góp phần thực hiện mục tiêu xây dựng nước Việt Nam hòa bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội. □

**(Theo Ban Tuyên
giáo Trung ương)**

MỞ RỘNG ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ...

(Tiếp theo trang 32)

sự bình đẳng về năng lực pháp lý giữa người dân với cơ quan nhà nước. Bên cạnh đó, Luật sửa đổi Luật Trợ giúp pháp lý năm 2026 cũng đã bổ sung cá nhân, đại diện hộ gia đình gặp khó khăn đột xuất do chịu thiệt hại nặng nề về người và tài sản từ thiên tai, dịch bệnh nguy hiểm hoặc hỏa hoạn, tạo cơ chế đặc biệt của chính sách trước các sự kiện khẩn cấp, bất khả kháng; bổ sung nhóm người dân tộc thiểu số rất ít người, góp phần bảo tồn, phát triển bền vững và nâng cao năng lực tiếp cận công lý cho cộng đồng các dân tộc thiểu số.

Ngoài ra, Luật sửa đổi năm 2026 đã quy định thống nhất, đồng bộ với các đạo luật chuyên ngành mới được ban hành như quy định về mở rộng quyền được trợ giúp pháp lý miễn phí cho người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi trong tất cả các tư cách tố tụng theo Luật Tư pháp người chưa thành niên năm 2024; đồng thời, thiết lập cơ chế bảo đảm quyền tiếp cận dịch vụ trợ giúp pháp lý ngay từ thời điểm tiếp nhận, giải cứu đối với nạn nhân bị mua bán và trẻ em dưới 18 tuổi đi cùng nạn nhân theo quy định của Luật Phòng, chống mua bán người năm 2024.

Như vậy, việc quy định về đối tượng thụ hưởng chính sách theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý năm 2026 mang giá trị lý luận và thực tiễn sâu sắc trong tiến trình cải cách tư pháp và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nước ta. Về lý luận, quy định mới đã khẳng định mạnh mẽ cam kết của Đảng và Nhà nước trong việc thực thi các điều ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam là thành viên, bảo đảm quyền bình đẳng của mọi công dân trước pháp luật, đồng thời xác định rõ trợ giúp pháp lý là một loại hình dịch vụ công thiết yếu, thể hiện trách nhiệm an sinh xã hội của Nhà nước đối với Nhân dân. Về mặt thực tiễn, việc mở rộng phạm vi đối tượng thụ hưởng chính sách trợ giúp pháp lý góp phần phòng ngừa vi phạm, hạn chế sai sót trong hoạt động tố tụng; bảo vệ kịp thời quyền và lợi ích hợp pháp của người dân, ngăn ngừa tình trạng khiếu kiện kéo dài, vượt cấp; qua đó củng cố niềm tin của người dân vào tính nghiêm minh và công bằng của hệ thống pháp luật. □

Trang Nguyễn



Sở Tư pháp tham gia Hội thao khối các cơ quan tỉnh



Giám đốc Sở Tư pháp thăm gia đình thương binh, liệt sĩ nhân ngày 27/7



Đoàn công tác của Sở Tư pháp tỉnh Át-ta-pư (Lào) và Đoàn làm việc của Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi



Sở Tư pháp tham gia Hội thao khối các cơ quan tỉnh